



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM**

Những điều cần biết về HIỆP ĐỊNH SPS CỦA WTO



**HIỆP ĐỊNH VỀ VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP
AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT
CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI**



CƠ QUAN CHỦ QUẢN:
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Ban soạn thảo và biên tập:

1. **TS. LÊ THANH HÒA** - *Chịu trách nhiệm nội dung*
Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam
Phó Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2. **TS. NGÔ XUÂN NAM** - *Trưởng ban Soạn thảo và Biên tập*
Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam
3. **ThS. TRẦN THÙY DUNG**
4. **NGUYỄN NGỌC BÁCH**

Thư kí Ban Biên tập:

TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM**

**Những điều cần biết về
HIỆP ĐỊNH SPS CỦA WTO**



**HIỆP ĐỊNH VỀ VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP
AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT
CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI**

Lời nói đầu

Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp An toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (Hiệp định SPS) có hiệu lực thực thi cùng với sự ra đời của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 1/1/1995. Hiệp định này điều chỉnh việc áp dụng các quy định về an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật và kiểm dịch thực vật trong thương mại quốc tế của một quốc gia nhằm không những bảo vệ được cuộc sống và sức khỏe của con người, động vật và thực vật trên lãnh thổ của mình, mà còn đảm bảo nó không ảnh hưởng đến thương mại quốc tế.

Cuốn sách này được xây dựng với mong muốn tiếp tục nâng cao nhận thức về Hiệp định SPS và tầm quan trọng của nó trong thương mại quốc tế, đặc biệt là đối với các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp xuất khẩu nông sản thực phẩm của Việt Nam.

Nội dung cuốn sách gồm năm phần:

Phần 1: Cấu trúc cơ bản các Hiệp định WTO.

Phần 2: Giới thiệu tổng quan Hiệp định SPS của WTO

Phần 3: Các câu hỏi thường gặp về Hiệp định SPS của WTO

Phần 4: Một số cam kết phổ biến về An toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật trong Hiệp định SPS của WTO

Phần 5: Nội dung toàn văn Hiệp định SPS của WTO và các văn bản hướng dẫn.

Các nội dung này được biên soạn và chỉnh sửa căn cứ trên tài liệu cập nhật của Ban thư ký WTO và một số tài liệu liên quan khác. Cuốn sách không phải là thông tin giải thích luật pháp chính thức đối với các điều khoản trong Hiệp định SPS của WTO.

Ban biên tập rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của độc giả cho nội dung và các thông tin khác để chúng tôi có thể hoàn thiện trong những lần tái bản tiếp theo.

Hà Nội, tháng 12/2022

MỤC LỤC

Phần 1: Cấu trúc cơ bản các Hiệp định WTO	7
Phần 2: Giới thiệu tổng quan Hiệp định SPS của WTO	13
Phần 3: Các câu hỏi thường gặp về Hiệp định SPS của WTO	28
Phần 4: Một số cam kết phổ biến về An toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật trong Hiệp định SPS của WTO	63
Phần 5: Nội dung toàn văn Hiệp định SPS của WTO và các văn bản hướng dẫn	66

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ Viết tắt	Tên đầy đủ
CODEX	Ủy ban về tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế do FAO/WHO thành lập
FAO	Tổ chức Nông Lương Thế giới của Liên hợp quốc
GATT	Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại được thành lập năm 1947, từ khoá này được sử dụng trong trích dẫn nội dung pháp lý và tên của tổ chức
GATT 1994	Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại sửa đổi bổ xung năm 1994, là một trong các Hiệp định của WTO, GATT 1994 gồm nguyên bản văn kiện của Hiệp định chung, được biết đến là GATT 1947
GATS	Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ
IPPC	Công ước Bảo vệ thực vật Quốc tế
OIE	Tổ chức Thú y Thế giới
SPS	An toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
TBT	Rào cản kỹ thuật trong thương mại
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
TRIPS	Hiệp định về Các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
MFN	Nguyên tắc đối xử Tối huệ quốc

PHẦN I

CẤU TRÚC CƠ BẢN CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA WTO

1. KHÁI QUÁT VỀ CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA WTO:

WTO là gì?

Tổ chức WTO có tên đầy đủ là Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization). Tổ chức này được thành lập và hoạt động từ 01/01/1995 với mục tiêu thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch.



Hình 1: Tổ chức WTO

Các Hiệp định trong khuôn khổ WTO là kết quả của Vòng đàm phán Uruguay 1986 - 1994, ký kết tại Hội nghị Bộ trưởng Marrakesh tháng 4 năm 1994. Văn kiện cuối cùng là kết quả bao trùm Vòng đàm phán Uruguay về Thương mại đa biên.

Nhắc đến “các Hiệp định trong khuôn khổ WTO” đầu tiên phải kể tới Hiệp định Thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới, hay còn gọi tắt

là Hiệp định WTO. Hiệp định khái quát này bao gồm rất nhiều quy định được sắp xếp theo hệ thống nhất định. Các vấn đề cụ thể được nêu tại các Phụ lục về hàng hóa, dịch vụ, và sở hữu trí tuệ; Phụ lục về giải quyết tranh chấp, cơ chế rà soát chính sách thương mại và phụ lục về các hiệp định nhiều bên.



Hình 2: Cấu trúc tổng quát các Hiệp định trong khuôn khổ WTO



Hình 3: Cơ cấu tổ chức của WTO

Dưới góc nhìn tổng quát, các Hiệp định của WTO điều chỉnh hai mảng thương mại lớn - hàng hoá và dịch vụ - tuy có 3 phần chính, nhưng về chi tiết thì rất khác nhau. (Xem Bảng 1):

+ Các Hiệp định mở đầu với các nguyên tắc cơ bản: Hiệp định chung về Thuế quan và mậu dịch (GATT) đối với hàng hoá, và Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (GATS). Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) cũng thuộc phân nhóm này mặc dù Hiệp định này không có các cam kết bổ sung thêm.

Bảng 1. Cấu trúc cơ bản các Hiệp định của WTO

	Hiệp định hình thành WTO		
	Hàng hóa	Dịch vụ	Sở hữu trí tuệ
<i>Các nguyên tắc cơ bản</i>	GATT	GATS	TRIPS
<i>Chi tiết bổ sung</i>	Các hiệp định và phụ lục khác về hàng hóa	Phụ lục về dịch vụ	
<i>Cam kết mở cửa thị trường</i>	Lộ trình cắt giảm theo cam kết của các quốc gia thành viên	Lộ trình cắt giảm theo cam kết của quốc gia thành viên (và các loại trừ MFN)	
<i>Giải quyết tranh chấp</i>	Cơ chế giải quyết tranh chấp		
<i>Minh bạch chính sách</i>	Rà soát chính sách thương mại		

+ Tiếp đến là các **Hiệp định bổ sung và phụ lục** điều chỉnh các lĩnh vực đặc biệt của một nội dung cụ thể hoặc vấn đề riêng. Các lĩnh vực điều chỉnh bao gồm:

Đối với Hàng hoá
Nông nghiệp
Các quy định về an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe động thực vật (SPS)
Hàng dệt may
Tiêu chuẩn sản phẩm (hàng rào kỹ thuật trong thương mại - TBT)
Các biện pháp đầu tư
Các biện pháp chống phá giá
Các phương pháp xác định giá tính thuế hải quan
Giám định hàng hóa trước khi gửi hàng
Quy tắc xuất xứ
Cấp phép nhập khẩu
Trợ cấp và các biện pháp đối kháng
Biện pháp phòng vệ thương mại
Đối với Dịch vụ
Di chuyển thể nhân
Vận chuyển đường không
Dịch vụ tài chính
Đóng tàu
Viễn thông

Bảng 2: Các Hiệp định bổ sung và phụ lục

+ Cuối cùng là một lộ trình và thời gian chi tiết (hoặc danh mục) được cam kết bởi các quốc gia thành viên cho phép các sản phẩm cụ thể hoặc các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép tiếp cận thị trường quốc gia cam kết. Đối với GATT, lộ trình này được thể hiện dưới dạng cam kết bắt buộc về thuế quan đối với hàng hóa nói chung, và

việc kết hợp thuế quan và kim ngạch đối với một số mặt hàng nông sản. Đối với GATS, các cam kết thể hiện các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được mở cửa bao nhiêu đối với một ngành cụ thể, và danh mục các loại dịch vụ mà một quốc gia đơn lẻ tuyên bố họ không áp dụng “nguyên tắc tối huệ quốc” về không phân biệt đối xử.

Hầu hết nội dung tại Vòng đàm phán Uruguay giải quyết hai phần đầu tiên: các nguyên tắc cơ bản và nguyên tắc đối với từng lĩnh vực cụ thể. Đồng thời, đàm phán mở cửa thị trường được tiến hành song song với các sản phẩm công nghiệp. Một khi các nguyên tắc chung đã được xác định, các cuộc đàm phán có thể thực hiện đối với các cam kết cho từng lĩnh vực như nông nghiệp và dịch vụ. Các cuộc đàm phán sau Vòng Uruguay và trước Vòng Doha bắt đầu vào năm 2001 tập trung phần lớn vào các cam kết mở cửa thị trường đối với: dịch vụ tài chính, viễn thông cơ bản và giao thông đường biển (cho GATS) và thiết bị kỹ thuật tin học (cho GATT).

Hiệp định trong lĩnh vực quan tâm thứ ba của thương mại được điều chỉnh bởi WTO là: Hiệp định về Sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS). Các cam kết của Hiệp định này chỉ dừng ở nguyên tắc cơ bản mặc dù có một vài nội dung chi tiết về các lĩnh vực cụ thể (ví dụ như bản quyền, chứng nhận sáng chế, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý) được điều chỉnh trong Hiệp định. Các quy định chi tiết khác được dẫn chiếu từ các hiệp định và hiệp ước ngoài phạm vi các hiệp định hình thành nên WTO. Các thỏa thuận về thủ tục giải quyết tranh chấp và rà soát chính sách thương mại cũng chủ yếu dừng ở những nguyên tắc cơ bản.

2. ĐIỂM QUAN TRỌNG BỔ SUNG

Bên cạnh các Hiệp định chính vừa nêu, một bộ các thỏa thuận khác không bao gồm trong bảng nêu trên nhưng cũng cần lưu ý: hai hiệp định “nhiều bên” không được ký bởi toàn bộ các nước thành viên: Hiệp định về thương mại công bằng đối với máy bay dân dụng và Hiệp định về mua sắm chính phủ. (lúc đầu có bốn hiệp định, nhưng các hiệp định về sản phẩm sữa và thịt bò đã bị loại bỏ từ cuối năm 1997).

3. KHUNG PHÁP LÝ

Cấu trúc khái quát của các Hiệp định khung của WTO nói trên được thể hiện theo cách các văn bản pháp lý được sắp đặt. Hiệp định Marrakesh đưa ra các quy định ngắn gọn về việc Thành lập Tổ chức thương mại Thế giới nhằm thiết lập nền tảng pháp lý và cấu trúc của tổ chức này. Gắn chặt với Hiệp định này là một bộ bốn phụ lục quy định chi tiết hơn, cụ thể như sau:

Phụ lục 1: bao gồm hầu hết các quy định, quy tắc chi tiết, và được chia làm ba phần:

(i) Phụ lục 1A: gồm Hiệp định chung về Thuế quan và mậu dịch sửa đổi, các hiệp định khác điều chỉnh thương mại hàng hóa, và một thỏa thuận gốc trói buộc các quốc gia riêng biệt đối với cam kết cụ thể về hàng hóa;

(ii) Phụ lục 1B: Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ, lời văn về các mảng dịch vụ cụ thể, và các cam kết cụ thể và loại trừ của các nước thành viên; và

(iii) Phụ lục 1C: Hiệp định về Các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ.

Tóm lại, các hiệp định trong Phụ lục 1 được coi là là các Hiệp định Thương mại Đa phương, vì chúng chứa đựng các nghĩa vụ pháp lý quan trọng trong chính sách thương mại mà tất cả các thành viên của WTO đã chấp thuận.

Phụ lục 2: thiết lập các quy định và thủ tục giải quyết tranh chấp.

Phụ lục 3: quy định việc rà soát thường xuyên đối với quá trình xây dựng và xu hướng chính sách thương mại của quốc gia và quốc tế.

Phụ lục 4: bao gồm các hiệp định “nhiều bên” thuộc khuôn khổ WTO nhưng có số lượng thành viên ký hạn chế (không phải thành viên WTO nào cũng đồng ý tham gia các Hiệp định này).

Cuối cùng, lời văn Hiệp định Marrakesh kèm theo một số quyết định và tuyên bố về một loạt các vấn đề phạm vi rộng đã được thông qua tại cùng thời điểm với các Hiệp định của WTO.

PHẦN II

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN HIỆP ĐỊNH SPS

1. TỔNG QUAN

Vấn đề đặt ra:

Trước khi Hiệp định SPS của WTO ra đời, các nước trên thế giới đã phải đối mặt với nhiều vấn đề trong việc cân bằng giữa mức độ bảo vệ an toàn thực phẩm, sức khỏe động thực vật với việc đảm bảo thương mại thông suốt. Câu hỏi phổ biến được đặt ra là làm thế nào để đảm bảo người tiêu dùng của nước nhập khẩu được cung cấp thực phẩm an toàn để sử dụng - mức độ “an toàn” được xác định là ở mức nào mà quốc gia đó cho là phù hợp?

Đồng thời, làm thế nào để đảm bảo chắc chắn rằng các quy định không cần thiết về sức khỏe động thực vật và an toàn thực phẩm không được sử dụng như một lý do để bảo hộ hàng hóa nội địa khỏi việc cạnh tranh giữa các quốc gia với nhau và trên thị trường quốc tế?



Hình 4: Cán cân thương mại và an toàn sức khỏe

Giải pháp:

Hiệp định SPS của WTO ra đời trong bối cảnh đó. Hiệp định này có tên gọi đầy đủ là The Agreement on the Application of Sanitary and Phytosanitary Measures, tiếng Việt là Hiệp định về Áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (kể từ đây sẽ gọi tắt là Hiệp định SPS), được kí kết và thực hiện nhằm đặt ra các quy định cơ bản cho những yêu cầu về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của các quốc gia thành viên WTO dựa trên một số nguyên tắc cơ bản. Hiệp định SPS chính thức có hiệu lực với sự thành lập của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 1 tháng 1 năm 1995.

Hiệp Định về Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm và Kiểm Dịch Động Thực Vật (Hiệp định SPS) của Tổ chức Thương Mại Thế Giới (WTO)

Hình 5: Tên đầy đủ của Hiệp định SPS

Hiệp định này quan tâm đến việc áp dụng các biện pháp vệ sinh động vật và thực vật hay nói một cách khác là các quy định về an toàn thực phẩm và về thú y và bảo vệ thực vật. Hiệp định SPS công nhận các quốc gia có quyền đưa ra các biện pháp về vệ sinh và an toàn thực phẩm nhưng nó được áp dụng chỉ trong

phạm vi cần thiết để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe con người, động vật hoặc thực vật và không được phân biệt đối xử tùy tiện và vô lý giữa các thành viên khi có các điều kiện tương tự hoặc như nhau.

Hiệp định SPS cho phép các quốc gia thiết lập tiêu chuẩn của riêng mình. Tuy nhiên, Hiệp định cũng chỉ rõ rằng các quy định phải dựa trên cơ sở khoa học và chỉ nên áp dụng ở mức mà chúng là cần thiết cho việc bảo vệ sức khỏe con người, động vật và thực vật; các quy định này không được phân biệt đối xử vô căn cứ giữa các quốc gia nơi có các điều kiện tương tự nhau.

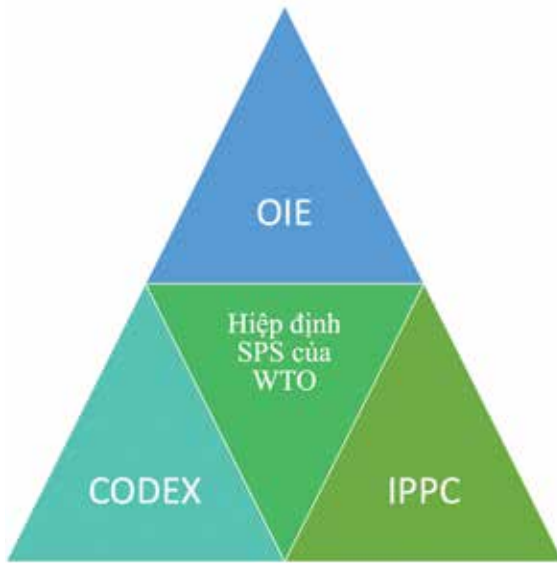
**Quyền bảo vệ sức
khỏe con người,
động vật và thực
vật của mỗi quốc
gia thành viên**



**Tránh tạo ra các rào
cản không cần thiết
Trong thương mại
giữa các quốc gia
thành viên**

Hình 6: Các mục tiêu cân bằng của Hiệp định SPS

Các nước thành viên WTO được khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị được các tổ chức quốc tế liên quan xây dựng nếu như chúng sẵn có (cụ thể là các Tiêu chuẩn và hướng dẫn, khuyến nghị của các Tổ chức như CODEX, IPPC, OIE sẽ được giới thiệu cụ thể dưới đây). Tuy nhiên, các thành viên có thể áp dụng các biện pháp pháp có mức độ bảo vệ cao hơn chừng nào mà các biện pháp này dựa trên một kết quả đánh giá rủi ro phù hợp và phương pháp tiếp cận là đồng nhất, không có sự tùy tiện hay không khách quan.



Hình 7: Hiệp định SPS và các Tổ chức xây dựng Tiêu chuẩn

Hiệp định này thiết lập một khung pháp lý đối với những điều, quy định và biện pháp mà quốc gia thành viên có thể dựa vào để xây dựng, tuy nhiên Hiệp định không đặt ra quy định cụ thể làm thế nào các quốc gia xây dựng hay sử dụng các tiêu chuẩn sức khỏe và phương pháp khi kiểm tra sản phẩm.

2. CÁC ĐẶC ĐIỂM QUAN TRỌNG

Điều đầu tiên mà Hiệp định SPS nhấn mạnh đó chính là: Tất cả các quốc gia đều có quyền và nghĩa vụ áp dụng và duy trì các biện pháp để đảm bảo thực phẩm là an toàn cho người tiêu dùng, và phòng ngừa sự lây lan của các loại dịch hại và bệnh tật cho động vật và thực vật. Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật có thể tồn tại dưới nhiều hình thức, ví dụ như yêu cầu các sản phẩm

phải có xuất xứ từ các vùng không có dịch bệnh, thanh kiểm tra sản phẩm, yêu cầu cụ thể về việc xử lý và chế biến sản phẩm, xây dựng Mức dư lượng tối đa cho phép của thuốc bảo vệ thực vật hoặc hạn chế việc sử dụng các chất phụ gia trong thực phẩm.

“Sanitary” là đảm bảo sức khỏe con người và động vật, “phytosanitary” là đảm bảo sức khỏe thực vật. Các biện pháp SPS bao gồm các biện pháp, quy định được áp dụng đối với thực phẩm (tươi hoặc được chế biến) hoặc các bệnh động vật và thực vật, trong nước cũng như đối với các sản phẩm đến từ quốc gia khác.



Hình 8: Hình ảnh minh họa

3. BẢO VỆ HAY BẢO HỘ

Có một thực tế rằng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, xét về bản chất, có thể dẫn đến những hạn chế đối với thương mại. Tất cả các Chính phủ thành viên chấp nhận rằng một số biện pháp hạn chế là cần thiết để đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật. Tuy nhiên, chính phủ các

nước đôi khi phải chịu sức ép đi quá mức bảo vệ cần thiết và sử dụng quy định an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật để tạo thành lá chắn bảo vệ, hỗ trợ cho nhà sản xuất nội địa trước việc cạnh tranh về kinh tế đến từ các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài. Một biện pháp, quy định cấm liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm dịch mà không thực sự cần thiết để bảo vệ sức khỏe có thể là một công cụ hết sức hiệu quả cho việc xây nên các hàng rào bảo hộ. Bên cạnh đó, bởi vì các biện pháp này có chứa yếu tố kỹ thuật phức tạp, các biện pháp cấm này có thể có thể là một rào cản trá hình và đặc biệt khó trong việc đấu tranh chống lại, điển hình là giữa các nước phát triển và các nước đang, chậm phát triển. Điều này có thể khiến gia tăng khoảng cách giàu nghèo, hạn chế phát triển kinh tế và trao đổi thương mại quốc tế giữa các vùng và các quốc gia khác nhau.

Hiệp định SPS được soạn thảo dựa trên các quy định trước đó của GATT nhằm hạn chế việc sử dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật một cách vô căn cứ nhằm mục tiêu phòng vệ thương mại.



Hình 9: Hiệp định GATT

Mục tiêu chính của Hiệp định SPS là duy trì chủ quyền của bất cứ một quốc gia thành viên nào trong việc đưa ra mức độ bảo vệ sức khoẻ mà họ cho rằng phù hợp, nhưng cũng đảm bảo rằng các chủ quyền đó không bị sử dụng sai lệch cho mục tiêu bảo hộ và không dẫn đến các rào cản không cần thiết đối với thương mại quốc tế. Nói cách khác, Hiệp định hướng tới một sự cân bằng giữa quyền của một nước thành viên trong việc bảo vệ sức khỏe và mong muốn đợi của họ về hàng hóa lưu thông thuận tiện trong thương mại quốc tế.

4. CƠ SỞ ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP

Hiệp định SPS, như trình bày ở trên, một mặt cho phép các quốc gia duy trì việc bảo an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật ở mức độ phù hợp. Đồng thời, Hiệp định làm giảm khả năng các quyết định đưa ra không có căn cứ và khuyến khích việc đưa ra quyết định nhất quán. Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch phải được áp dụng không gì khác ngoài mục đích đảm bảo rằng thực phẩm là an toàn và tương tự như vậy đối với sức khỏe động vật và thực vật, hoặc bảo vệ lãnh thổ một quốc gia khỏi dịch hại. Cụ thể hơn, hiệp định này phân định rõ ràng các yếu tố liên quan cần phải tính đến trong khi việc đánh giá rủi ro được thực hiện. Các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật phải được dựa, ở mức cao nhất có thể, trên các phân tích và đánh giá dữ liệu khoa học khách quan.

5. CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Hiệp định SPS khuyến khích các quốc gia thiết lập các biện pháp SPS đồng nhất với các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế. Quá trình này thường được nhắc đến dưới thuật ngữ “Hài hoà hoá”. Bản thân WTO không và sẽ không xây dựng các tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, hầu hết các nước thành viên của WTO đã tham gia xây

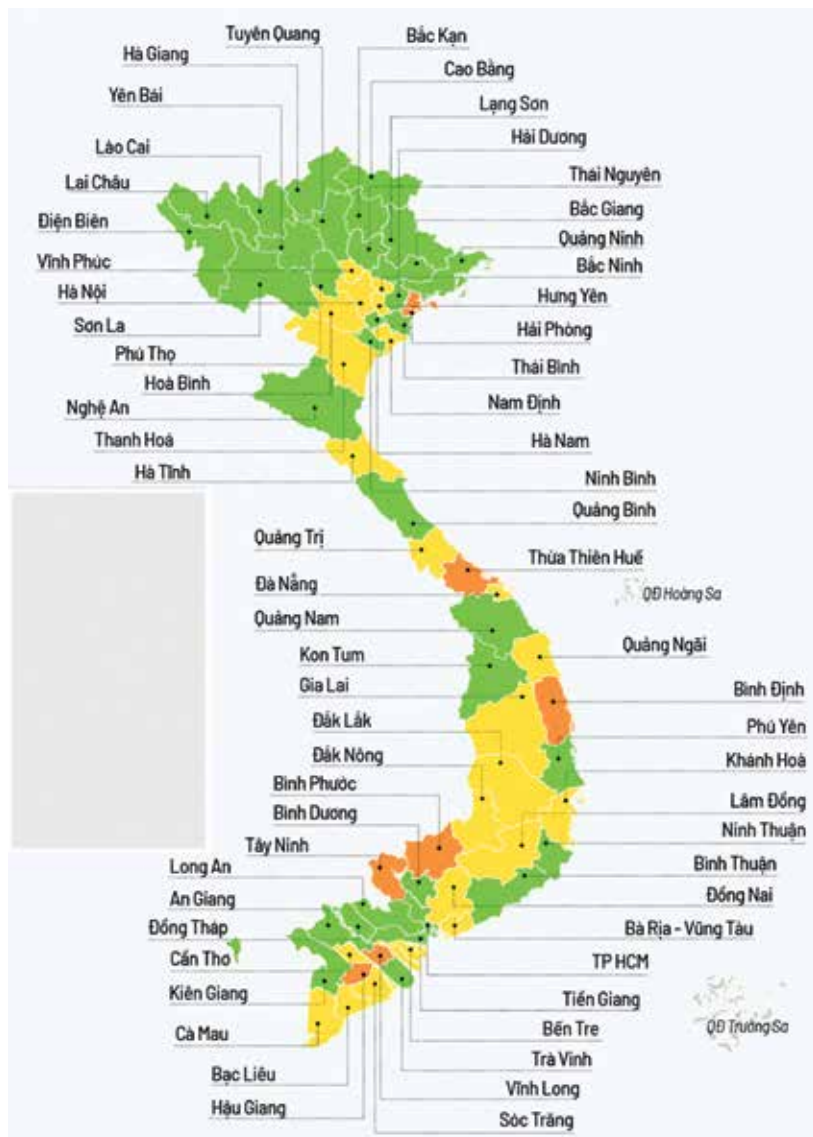
dựng các tiêu chuẩn này tại các tổ chức quốc tế khác thông qua các nhà khoa học hàng đầu thuộc lĩnh vực đó cùng với các chuyên gia của chính phủ về lĩnh vực bảo vệ sức khỏe. Các tiêu chuẩn này sẽ được rà soát và điều chỉnh chi tiết trên diễn đàn quốc tế.

Các tiêu chuẩn quốc tế thường cao hơn so với quy định thực tế của nhiều quốc gia, bao gồm cả các nước phát triển, nhưng Hiệp định SPS cho phép các quốc gia có quyền tự lựa chọn tiêu chuẩn của mình. Tuy nhiên, nếu các yêu cầu của quốc gia dẫn tới mức độ hạn chế cao hơn đối với thương mại, quốc gia này có thể bị các đối tác thương mại yêu cầu đưa ra bằng chứng khoa học nhằm chứng minh rằng tiêu chuẩn quốc tế tương ứng hiện có không đáp ứng được mức độ bảo vệ sức khỏe mà quốc gia đó xác định là phù hợp.

6. ĐIỀU CHỈNH SO VỚI CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC NHAU

Do khác biệt về khí hậu, khác biệt về sự hiện hữu của các loại sâu hại và bệnh dịch, hoặc các điều kiện về an toàn thực phẩm, không phải lúc nào cũng là phù hợp cho việc áp dụng cùng một yêu cầu SPS đối với các sản phẩm thực phẩm, động vật và thực vật đến từ các quốc gia khác nhau. Do đó, các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật đôi khi có khác nhau, phụ thuộc xuất xứ quốc gia hoặc điểm đến, của thực phẩm, sản phẩm động vật và thực vật liên đới. Điều này đã được tính đến trong Hiệp định SPS.

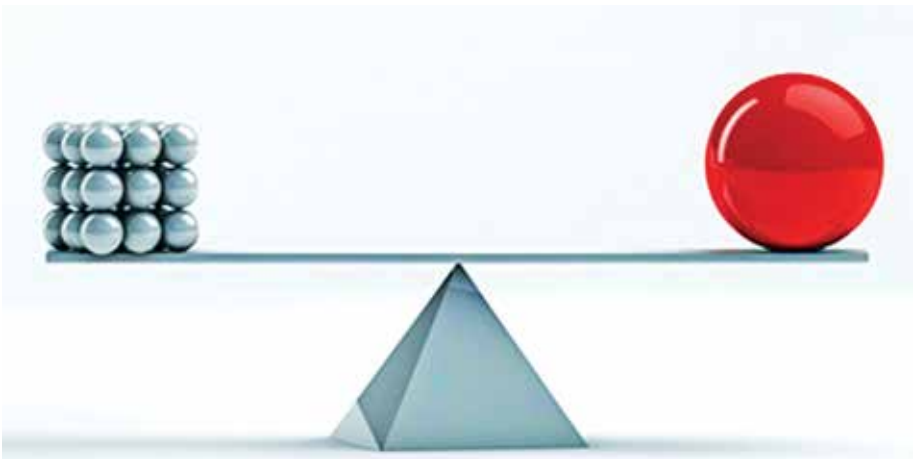
Các quốc gia cũng nên công nhận các khu vực phi dịch bệnh mà có khả năng không đồng nhất với lãnh thổ chính trị, điều chỉnh các yêu cầu của mình sao cho chúng phù hợp với các sản phẩm đến từ khu vực đó. Đây là cách tiếp cận được biết đến dưới thuật ngữ “khu vực hóa” (Regionalization). Tuy nhiên, Hiệp định nghiêm cấm phân biệt đối xử vô căn cứ trong áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, khi chúng có tạo ra thuận lợi ưu đãi cho các nhà sản xuất nội địa hoặc giữa các nhà cung cấp nước ngoài.



Hình 10: Minh họa sự khác nhau về điều kiện tự nhiên của các vùng miền

7. CÁC BIỆN PHÁP THAY THẾ VÀ “TƯƠNG ĐƯƠNG”

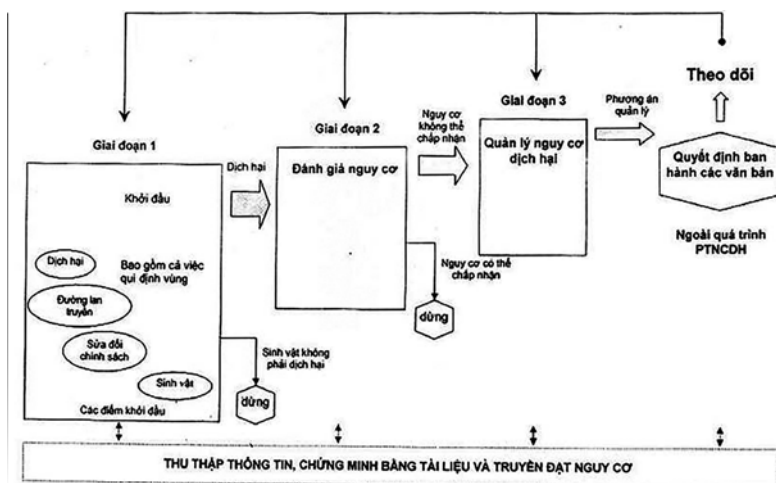
Một “mức độ rủi ro chấp nhận được” có thể đáp ứng bằng nhiều cách thức khác nhau. Trong số các phương thức lựa chọn đó – và căn cứ trên giả định rằng chúng khả thi về kỹ thuật và kinh tế và đem đến một mức độ bảo vệ tương đương về an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật – các chính phủ cần lựa chọn những biện pháp mà không hạn chế thương mại hơn mức cần thiết để đạt mục tiêu y tế của mình. Hơn nữa, nếu một quốc gia có thể chứng minh rằng các biện pháp mà họ đang áp dụng đem lại một mức độ bảo vệ tương tự, thì chúng cần phải được chấp nhận là tương đương. Việc chấp thuận này sẽ giúp đảm bảo rằng việc quan tâm bảo vệ sức khỏe vẫn được duy trì trong khi cung cấp chất lượng tốt nhất và đa dạng thực phẩm cho người tiêu dùng, phương thức đảm bảo an toàn sẵn có tốt nhất cho nhà sản xuất, và cạnh tranh lành mạnh về kinh tế. “Công nhận tương đương” là một trong các chủ đề được thảo luận thường xuyên tại Ủy ban SPS.



Hình 11: Các biện pháp có thể được công nhận tương đương

8. ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Các quy định SPS của quốc gia cần phải dựa trên một đánh giá khoa học phù hợp về những mối nguy, rủi ro thực tế liên quan. Trong trường hợp được yêu cầu, việc đánh giá cần phải công bố các nhân tố được tính đến khi cân nhắc, quy trình đánh giá rủi ro được quốc gia đó sử dụng và mức độ nguy cơ mà thành viên WTO này xác định là có thể chấp nhận được.



Hình 12: Khung hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại thực vật

9. MINH BẠCH HOÁ

Hiệp định SPS thúc đẩy tăng cường tính minh bạch về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật. Các quốc gia thành viên được yêu cầu thông báo cho các quốc gia khác, thông qua Ban thư ký WTO, về bất cứ một yêu cầu SPS mới hoặc thay đổi nào mà có tác động tới thương mại. Mỗi một thành viên WTO cần phải lập lên các văn phòng (được gọi là “Điểm hỏi đáp”) để trả lời các yêu cầu thêm thông tin về các biện pháp SPS mới hoặc đang áp dụng, bao

gồm cơ sở nào cho yêu cầu đó và họ áp dụng các quy định về an toàn thực phẩm, sức khỏe động vật và thực vật như thế nào. Thông qua việc liên lạc thông tin một cách hệ thống và chia sẻ kinh nghiệm, các chính phủ thành viên WTO có thể cải thiện các tiêu chuẩn quốc gia. Việc tăng cường minh bạch hóa cũng bảo vệ người tiêu dùng và các đối tác thương mại khỏi chủ nghĩa bảo hộ trá hình ẩn trong các yêu cầu kỹ thuật không cần thiết. Các thông tin này hiện có sẵn trên một nền cơ sở dữ liệu trực tuyến hoàn chỉnh: Hệ thống quản lý thông tin SPS (<http://spsims.wto.org>)



Hình 13: Hệ thống quản lý thông tin SPS của WTO

10. ỦY BAN SPS

Một Ủy ban đặc biệt đã được thành lập tại WTO với vai trò là một diễn đàn cho các thành viên trao đổi thông tin về tất cả các khía cạnh thực thi Hiệp định SPS. Ủy ban SPS rà soát cách thức quốc gia

thành viên tuân thủ hiệp định như thế nào, thảo luận về các vấn đề mà có thể tác động và thương mại và duy trì hợp tác chặt chẽ với các tổ chức kỹ thuật trong lĩnh vực. Nếu một tranh chấp pháp lý nảy sinh về một biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, thủ tục giải quyết tranh chấp thông thường của WTO sẽ được sử dụng, và các ý kiến tư vấn từ những chuyên gia khoa học phù hợp sẽ được trưng cầu.



Hình 14: Một phiên họp của Ủy ban SPS tại WTO

11. VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

11.1. Giới thiệu về Văn phòng SPS Việt Nam

Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh Dịch tễ và Kiểm dịch Động thực vật Việt Nam (gọi tắt là Văn phòng SPS Việt Nam):

- Thành lập theo Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tên giao dịch tiếng Anh là: Vietnam Sanitary and Phytosanitary Notification Authority and Enquiry Point (Viet Nam SPS Office).

Văn phòng SPS Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD), có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

11.2. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng SPS Việt Nam

Căn cứ Quyết định 5272/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/12/2017 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp Quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật Việt Nam:



Hình 15: Hình logo Văn phòng SPS

Văn phòng SPS Việt Nam có chức năng làm đầu mối thực hiện các nghĩa vụ minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia, thông báo và hỏi đáp các nội dung và quy định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật (SPS); yêu cầu các nước thành viên WTO cung cấp thông tin về các biện pháp, thủ tục đánh giá rủi ro, thanh tra, kiểm tra và các vấn đề có liên quan về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật.

- Về nhiệm vụ đầu mối thông báo và hỏi đáp các quy định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật: Xem hình 16.

- Tổ chức thiết lập và duy trì mạng lưới thông tin quốc gia SPS giữa Văn phòng SPS Việt Nam với các đầu mối, các điểm hỗ trợ kỹ thuật về thông báo, hỏi đáp của Bộ, ngành có liên quan tới WTO và các tổ chức quốc tế;

- Tổ chức các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến kinh nghiệm về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật cho các cơ

quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của WTO và các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết;

- Ký kết, thực hiện các dự, hợp đồng cung cấp thông tin, tư vấn trong lĩnh vực SPS với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng chương trình, chuẩn bị nội dung, tham gia các cuộc họp đàm phán, hội nghị, hội thảo về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật thuộc nhiệm vụ được giao theo quy định;

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo về minh bạch hoá, thông báo, hỏi đáp về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của WTO và các tổ chức quốc tế;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án, tham gia đàm phán các Hiệp định song phương và đa phương liên quan đến vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật;

- Đề xuất Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc điều phối mạng lưới SPS Việt Nam để tham mưu thực hiện các chủ trương, chính sách và triển khai áp dụng, xử lý các biện pháp SPS trong thương mại quốc;

- Đầu mối liên lạc, chủ trì, phối hợp với các tổ chức quốc tế, song phương và đa phương hoạt động về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật ở Việt Nam trong phạm vi được giao theo quy định;

- Thực hiện nhiệm vụ đầu mối thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



Hình 16: Sơ đồ chức năng của Văn phòng SPS Việt Nam

PHẦN III

CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ HIỆP ĐỊNH SPS

Câu hỏi 1. Biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật là gì. Hiệp định SPS có bao gồm các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, lợi ích của người tiêu dùng, và việc đối xử nhân đạo với động vật không?

Trả lời: “Sanitary” liên quan đến sức khỏe của con người và động vật, bao gồm an toàn thực phẩm, và “phytosanitary” có nghĩa là sức khỏe thực vật. Đối với Hiệp định SPS, các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch được xác định là các biện pháp nhằm:

- Bảo vệ cuộc sống con người và động vật khỏi các rủi ro phát sinh từ phụ gia, nhiễm bẩn, chất độc hoặc các tổ chức hữu cơ gây bệnh trong thực phẩm và đồ uống.
- Bảo vệ cuộc sống con người khỏi động vật hoặc thực vật mang mầm bệnh (được biết đến qua khái niệm “bệnh động vật truyền sang người”).
- Bảo vệ cuộc sống động vật và thực vật khỏi dịch hại, bệnh tật hoặc các tổ chức hữu cơ gây bệnh.
- Ngăn ngừa hoặc hạn chế các thiệt hại khác đối với một quốc gia do sự xâm nhập, hình thành hoặc lây lan các loại dịch hại.



Hình 17: Hình ảnh minh họa

Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật bao gồm các biện pháp được đưa ra để bảo vệ sức khỏe của các loài thủy sản, rừng và động vật hoang dã, cũng như các động vật nuôi và cây trồng.

Một số biện pháp bảo vệ môi trường cũng có thể rơi vào phạm vi Hiệp định SPS (như phần định nghĩa nêu trên), như ngăn chặn nhiễm bẩn nguồn nước uống, bảo vệ đất nông trại hoặc đàn cá khỏi việc nhiễm bẩn kim loại nặng, hoặc bảo vệ đa dạng sinh học. Các biện pháp chỉ có mục tiêu bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng hoặc đối xử nhân đạo với động vật không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định SPS. Tuy nhiên, các quan ngại này có thể được giải quyết tại các hiệp định khác của WTO (cụ thể Hiệp định TBT sẽ đề cập dưới đây hoặc Điều XX của GATT).

Câu hỏi 2. Vậy trước khi có Hiệp định SPS các nước thành viên không được phép bảo vệ an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật?

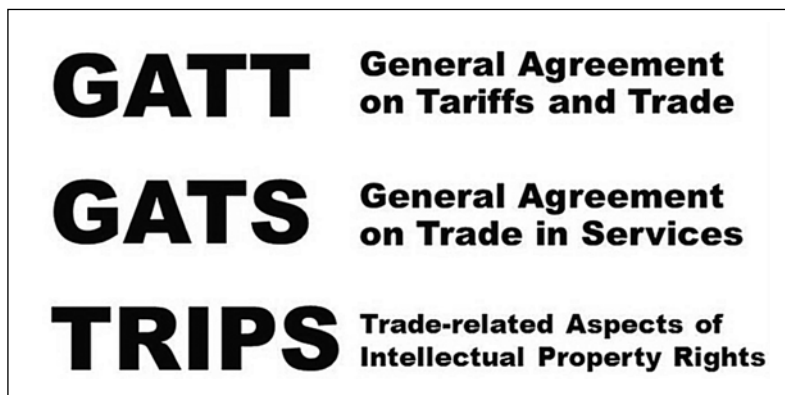
Trả lời: Các quốc gia thành viên được phép, đây là quyền cơ bản của mỗi con người và động thực vật của từng quốc gia. Kể từ năm 1948, các biện pháp của quốc gia về an toàn thực phẩm, sức khỏe động vật và thực vật mà có tác động tới thương mại là đối tượng điều chỉnh bởi các quy định của GATT.



Một trong các nguyên tắc quan trọng hàng đầu của GATT là nguyên tắc không phân biệt đối xử. Điều khoản đầu tiên của GATT ("nguyên tắc tối huệ quốc") quy định rằng các sản phẩm nhập khẩu từ các nước thành viên WTO khác nhau phải

Hình 18: Hình ảnh minh họa

được đối xử bình đẳng như nhau. Điều thứ ba của GATT quy định rằng luật và các yêu cầu khác không được khắt khe hơn đối với hàng nhập khẩu so với hàng sản xuất trong nước. Ví dụ các quy định này áp dụng đối với dư lượng thuốc trừ sâu và các hạn chế đối với chất phụ gia thực phẩm, cũng như đối với những hạn chế vì mục đích bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật. Điều XI không cho phép các nước thành viên áp đặt lệnh cấm nhập khẩu hoặc hạn chế về số lượng nhập khẩu được phép.

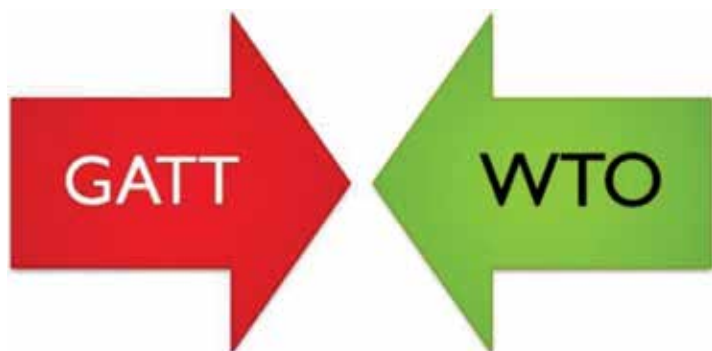


Hình 19 : Các Hiệp định chính của WTO

Các quy định của GATT cũng có một ngoại lệ (Điều XXb) trong đó cho phép các quốc gia đưa ra các biện pháp “cần thiết để bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người, động vật và thực vật” chừng nào mà các biện pháp này không có sự phân biệt vô căn cứ giữa các quốc gia có điều kiện giống nhau, hoặc tạo ra rào cản trá hình đối với thương mại. Nói một cách khác, trong trường hợp cần thiết, vì mục tiêu bảo vệ cuộc sống và sức khỏe của con người, động vật và thực vật, quốc gia thành viên có thể áp dụng các yêu cầu khắt khe hơn đối với hàng nhập khẩu so với hàng hóa trong nước, và có thể cấm nhập khẩu các loại hàng hóa có chứa nguy cơ nghiêm trọng về sức khỏe.

Tại Vòng đàm phán Tokyo về thương mại đa biên (1974- 1979), một Hiệp định về Rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) đã được đưa ra bàn đàm phán (Hiệp định TBT năm 1979 hay còn gọi là “Luật tiêu chuẩn”). Chỉ có một vài quốc gia ký hiệp định này. Mặc dù mục tiêu ban đầu của hiệp định không nhằm điều chỉnh các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch, Hiệp định điều chỉnh toàn bộ các yêu cầu kỹ thuật xuất phát từ an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật, giới hạn tồn dư thuốc trừ sâu, các yêu cầu thanh kiểm tra và dán nhãn.

Các quốc gia ký kết vào Hiệp định TBT năm 1979 đã thống nhất sử dụng tiêu chuẩn quốc tế liên quan (ví dụ như tiêu chuẩn an toàn thực phẩm được Ủy ban An toàn thực phẩm Codex xây dựng), ngoại trừ khi các quốc gia nhận thấy các tiêu chuẩn này chưa phù hợp cho việc bảo vệ sức khỏe của mình. Các quốc gia cũng thống nhất việc thông báo cho các thành viên khác, thông qua Ban thư ký GATT, về bất cứ quy định kỹ thuật nào mà không dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Hiệp định TBT 1979 bao gồm các quy định nhằm giải quyết tranh chấp thương mại phát sinh từ việc sử dụng các hạn chế về an toàn thực phẩm và kỹ thuật khác. Đây là một trong những điểm khác biệt giữa Hiệp định GATT và Hiệp định WTO sau này.



Hình 20: Hiệp định GATT và Hiệp định WTO

Câu hỏi 3. Tại sao cần một Hiệp định SPS?

Trả lời: Bởi vì các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật có thể hạn chế hết sức hiệu quả thương mại, các quốc gia thành viên WTO mong muốn có các quy định rõ ràng là việc sử dụng chúng phải tiến hành như thế nào để tránh việc các biện pháp này bị lạm dụng nhằm tạo ra rào cản thương mại hoặc sử dụng mà không dựa trên các bằng chứng khoa học. Khi vòng đàm phán Uruguay được triển khai, các nước mong muốn hạn chế các rào cản kỹ thuật, bao gồm cả bằng Hiệp định Nông nghiệp. Điều này làm tăng sự lo ngại rằng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật có thể được sử dụng nhằm mục đích bảo hộ sản xuất trong nước và tạo ra sự mất cân bằng thương mại.



Hình 21: Hiệp định SPS

Hiệp định SPS được thiết kế nhằm mục tiêu xóa bỏ hồng tiềm ẩn này. Hiệp định đã đề ra các quyền và nghĩa vụ rõ ràng hơn, chi tiết hơn đối với các biện pháp bảo vệ sức khỏe con người, động vật và thực vật mà có tác động tới thương mại. Các quốc gia chỉ được phép

áp đặt những yêu cầu bảo vệ sức khỏe được xây dựng trên cơ sở của nguyên tắc khoa học.

Một quốc gia có thể phản đối yêu cầu về an toàn thực phẩm, sức khỏe động thực vật của một quốc gia khác trên cơ sở là các biện pháp đó không được minh chứng bằng các bằng chứng khoa học. Khi được yêu cầu, quốc gia đó phải cung cấp các quyết định và thủ tục, các bằng chứng khoa học đưa ra quyết định đó cho các quốc gia khác. Chính phủ phải nhất quán trong quyết định của mình về thế nào là thực phẩm an toàn và trong cách thức mà chính phủ đó ứng phó đối với các lo ngại về sức khỏe động vật và thực vật.

Câu hỏi 4. Làm thế nào để phân biệt một biện pháp là SPS hay TBT? Liệu có sự khác biệt gì không?

Trả lời: Phạm vi của hai hiệp định là khác nhau. (Xem Sơ đồ 2). Hiệp định SPS điều chỉnh tất cả các biện pháp có mục đích nhằm bảo vệ:

- Sức khỏe của con người và động vật khỏi các nguy cơ từ thức ăn;
- Sức khỏe của con người khỏi động hoặc thực vật mang mầm bệnh;
- Động vật và thực vật khỏi dịch hại và bệnh tật;
- Lãnh thổ của một quốc gia khỏi các thiệt hại gây ra bởi dịch hại.

Hiệp định TBT (Rào cản Kỹ thuật trong thương mại) điều chỉnh tất cả quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tự nguyện và các thủ tục nhằm đảm bảo là chúng được tuân thủ, ngoại trừ khi chúng được xác định là các biện pháp SPS được định nghĩa theo Hiệp định SPS.

Loại biện pháp là căn cứ để xác định liệu chúng bị điều chỉnh bởi Hiệp định TBT hay không. Mục đích của biện pháp là căn cứ phù hợp để xác định liệu nó có phải là đối tượng điều chỉnh của Hiệp định SPS không.

Biện pháp TBT có thể điều chỉnh bất cứ sản phẩm nào, từ các thiết bị an toàn và tiết kiệm năng lượng cho xe ô-tô, tới hình dáng của hộp bìa giấy đựng thức ăn. Để đưa ra một ví dụ gắn với sức khỏe con người, các biện pháp TBT có thể bao gồm các hạn chế về dược liệu, hoặc nhãn mác đối với thuốc lá.

Hầu hết các biện pháp nhằm kiểm soát bệnh của người thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định TBT, ngoại trừ khi chúng liên quan đến các loại bệnh mà thực vật hay động vật là trung gian (ví dụ bệnh dại hoặc bò điên). Đối với thực phẩm, hầu hết các quy định về nhãn mác, thông tin về thành phần dinh dưỡng, chất lượng và các quy định về đóng gói không được xem là các biện pháp SPS và do đó thường là đối tượng điều chỉnh của Hiệp định TBT.



The Agreement on Technical Barriers to Trade

the "TBT Agreement"

Hình 22: Hiệp định TBT

Mặt khác, các quy định về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, hoặc quy định mức độ dư lượng cho phép của thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y, hoặc xác định phụ gia thực phẩm được phép sử dụng, đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định SPS. Một số quy định về đóng gói và nhãn mác, nếu liên quan trực tiếp đến sự an toàn của thực phẩm, cũng là đối tượng của Hiệp định SPS.

Hai hiệp định có cùng chung một số quy định cơ bản. Chúng bao gồm các nghĩa vụ không phân biệt đối xử. Cả hai hiệp định đòi hỏi các nước thông báo trước về các đề xuất biện pháp mới. Cả hai yêu cầu chính phủ các nước thành viên thành lập các văn phòng (“Điểm hỏi đáp”). Tuy nhiên, có rất nhiều các quy định quan trọng khác nhau. Ví dụ, cả hai hiệp định đều khuyến khích việc sử dụng tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, theo Hiệp định SPS, nếu một quốc gia muốn thiết lập các tiêu chuẩn của riêng mình đối với an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe động thực vật, quốc gia này phải dựa trên một đánh giá khoa học khách quan về những nguy cơ tiềm ẩn cho sức khỏe. Trái lại, theo Hiệp định TBT, các quốc gia có thể sử dụng các lý do khác, như các lý do công nghệ cơ bản hoặc yếu tố địa lý để thiết lập các tiêu chuẩn của mình.

Thêm vào đó, các biện pháp SPS chỉ có thể được áp dụng khi cần thiết nhằm bảo vệ sức khỏe của con người, động vật và thực vật, dựa trên cơ sở thông khoa học. Tuy nhiên, các quốc gia có thể sử dụng các quy định TBT khi cần thiết để thỏa mãn một loạt các mục tiêu, ví dụ lý do an ninh quốc gia hoặc ngăn ngừa các hành vi lừa đảo. Các nghĩa vụ mà các quốc gia thành viên phải chấp thuận là khác biệt giữa hai hiệp định, do đó điều quan trọng là xác định một biện pháp là SPS hay là biện pháp đó là đối tượng của Hiệp định TBT.

Các biện pháp SPS điển hình thường điều chỉnh	Các biện pháp TBT điển hình thường điều chỉnh
- phụ gia trong thực phẩm và đồ uống	- ghi nhãn đối với thực phẩm, đồ uống và các loại thuốc
- nhiễm bẩn trong thực phẩm và đồ uống	- các yêu cầu xếp loại và chất lượng của thực phẩm
- các độc chất trong thực phẩm và đồ uống	- các yêu cầu về đóng gói thực phẩm

- dư lượng thuốc thú y hoặc thuốc trừ sâu trong thực phẩm hoặc đồ uống	- việc đóng gói và ghi nhãn đối với các hóa chất nguy hiểm và độc chất
- chứng nhận: an toàn thực phẩm, thú y và kiểm dịch thực vật	- các quy định về đồ dân dụng điện
- phương pháp chế biến với mục tiêu an toàn thực phẩm	- các quy định đối với điện thoại không dây, các thiết bị ra dio, v.v...
- các yêu cầu ghi nhãn trực tiếp liên quan đến an toàn thực phẩm	- ghi nhãn hàng dệt may
- kiểm dịch động vật/thực vật	- kiểm tra phương tiện vận chuyển và các phụ kiện
- tuyên bố về vùng phi dịch hại hoặc dịch bệnh	- các quy định về tàu biển và thiết bị tàu
- ngăn ngừa bệnh dịch hoặc dịch hại lây lan tới một quốc gia	- các quy định về an toàn đối với đồ chơi
- các yêu cầu an toàn và kiểm dịch khác đối với hàng nhập khẩu (gỗ pallet sử dụng trong vận chuyển động vật), vv...	- v.v...

Hình 23: Tổng hợp so sánh giữa biện pháp SPS và TBT

Câu hỏi 5. Làm thế nào các quốc gia thành viên và công chúng biết được ai đang làm gì?

Trả lời: Các quy định về minh bạch hóa trong Hiệp định SPS được xây dựng nhằm đảm bảo công chúng và các đối tác thương mại biết thông tin về các biện pháp được đưa ra nhằm bảo vệ sức

khỏe con người, động vật và thực vật. Hiệp định yêu cầu Chính phủ thông báo nhanh chóng tất cả các quy định về SPS. Khi có yêu cầu từ nước thành viên khác, quốc gia đó phải giải thích lý do của bất cứ một yêu cầu cụ thể nào về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật.

Tất cả các nước thành viên của WTO phải duy trì Điểm hỏi đáp, là cơ quan có chức năng nhận và trả lời bất cứ yêu cầu thông tin nào về biện pháp SPS của mỗi quốc gia đó. Những yêu cầu này có thể là bản sao quy định hiện hành hoặc là mới ban hành, những thông tin liên quan đến các thỏa thuận giữa hai nước, hoặc các thông tin về quyết định đánh giá nguy cơ. Thông tin liên lạc chi tiết tới các Điểm hỏi đáp về SPS có thể tham khảo qua trang Hệ thống quản lý thông tin SPS (SPS IMS – <http://spsims.wto.org>).

Bất cứ khi nào một quốc gia đề xuất quy định mới (hoặc sửa đổi một quy định hiện tại) mà có sự khác biệt với những tiêu chuẩn quốc tế và có thể ảnh hưởng đến thương mại, dự thảo quy định đó phải được thông báo cho Ban thư ký của WTO, công chúng cũng có thể tiếp cận các thông báo này trên trang mạng Tài liệu trực tuyến (<http://docsonline.wto.org>, tìm kiếm tài liệu theo từ khóa "G/SPS/N/"), hoặc thông qua Hệ thống quản lý thông tin SPS của WTO (<http://spsims.wto.org>). Một cách tiếp cận khác là thông báo có thể được yêu cầu trực tiếp tại Điểm hỏi đáp của quốc gia đề xuất biện pháp đó.

Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ chuyển thông báo trước khi triển khai thực hiện một quy định mới, sao cho các đối tác thương mại có cơ hội góp ý. Ủy ban SPS đã xây dựng một khuyến nghị về cách thức phản hồi các góp ý này. (Xem tài liệu G/SPS/7/Rev.3 để có thêm thông tin).



Hình 24: Cổng thông tin ePing của WTO

Trong một số trường hợp, chính phủ cần phải có hành động nhanh chóng để giải quyết các tình huống khẩn cấp phát sinh bằng cách thông qua một biện pháp SPS ngay lập tức. Các biện pháp khẩn cấp này phải là tạm thời, cho đến khi có thông tin đầy đủ để đánh giá liệu biện pháp này có chuyển thành chính thức hay không. Trong trường hợp khẩn cấp như vậy, các nước phải thông báo cho các thành viên khác, thông qua Ban thư ký WTO, ngay lập tức sau khi thông qua biện pháp SPS này. Khi xác định liệu một biện pháp chính thức có cần thiết hay không, tất cả các góp ý từ các nước thành viên WTO khác cần phải được xem xét đầy đủ.

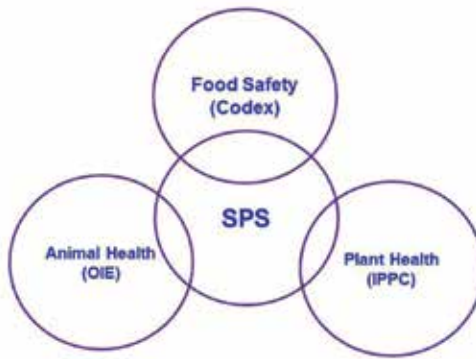
Câu hỏi 6. Hiệp định SPS có cấm khả năng của các quốc gia trong việc xây dựng các luật về an toàn thực phẩm và sức khỏe động vật và thực vật không? Mức độ bảo vệ an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật được xác định bởi WTO hay các thiết chế quốc tế khác?

Trả lời: Hiệp định SPS ghi nhận chi tiết quyền của các quốc gia đưa ra biện pháp bảo vệ sức khỏe con người, động vật và thực vật, chừng nào mà các biện pháp này dựa trên cơ sở khoa học, là cần thiết cho việc bảo vệ sức khỏe, và không phân biệt đối xử vô căn cứ giữa các nguồn cung cấp nước ngoài. Tương tự như vậy, các quốc gia xác định mức độ an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe của bản thân quốc gia đó. Đây không phải là công việc của WTO hoặc bất cứ tổ chức quốc tế nào.

Tuy nhiên, Hiệp định SPS khuyến khích các chính phủ “hài hòa hóa” hoặc dựa các tiêu chuẩn quốc gia của họ theo các tiêu chuẩn, khuyến nghị, hướng dẫn được xây dựng trong các tổ chức quốc tế khác. Các tổ chức này bao gồm:

- Đối với an toàn thực phẩm: Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế Codex được tổ chức kết hợp giữa FAO và WHO;
- Đối với sức khỏe động vật: Tổ chức Thú y thế giới OIE;
- Đối với sức khỏe thực vật: Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật (IPPC) đặt trong FAO.

Hầu hết các nước thành viên WTO tham gia vào các hoạt động làm việc của các tổ chức này trong một thời gian dài để xác lập các giới hạn thuốc trừ sâu, nhiễm bẩn hoặc phụ gia trong thực phẩm và nhằm giảm nhẹ tác động của dịch hại và dịch bệnh trên thực vật và động vật. Các kết quả công việc của những tổ chức kỹ thuật này được chỉnh sửa và rà soát trên phạm vi quốc tế.



The Sanitary & Phytosanitary (SPS) International Standards-Setting Bodies

Hình 25: Bộ ba Cơ quan xây dựng Tiêu chuẩn quốc tế về SPS

Một vấn đề phức tạp ở đây là các tiêu chuẩn quốc tế thường cao hơn nhiều đến mức nhiều quốc gia đối mặt với khó khăn khi thực hiện chúng. Nhưng việc khuyến khích sử dụng tiêu chuẩn quốc tế không đồng nghĩa rằng các quốc gia buộc phải coi chúng là trần hay sàn của các tiêu chuẩn quốc gia. Các tiêu chuẩn quốc gia không đơn giản vi phạm Hiệp định SPS bởi việc khác biệt so với các thông lệ quốc tế. Chính phủ có thể thiết lập các quy định khắt khe hơn các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, nếu quốc gia xây dựng tiêu chuẩn của riêng mình, họ có thể bị yêu cầu cung cấp chứng cứ hỗ trợ cho tiêu chuẩn cao hơn này nếu mâu thuẫn leo thang thành tranh chấp thương mại. Căn cứ hỗ trợ phải dựa trên một phân tích các bằng chứng khoa học và các nguy cơ liên quan.

Câu hỏi 7. Hòa hòa hóa với tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm là gì? Việc hòa hòa này sẽ đem lại kết quả mức độ bảo vệ sức khỏe kém hơn, hòa hòa lười?

Trả lời: Hòa hòa hóa với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế

có nghĩa là các yêu cầu quốc gia dựa trên các tiêu chuẩn được xây dựng bởi Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế Codex được thành lập chung giữa FAO/WHO. (Codex cũng xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm, dinh dưỡng và dán nhãn. Các tiêu chuẩn này thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định TBT, không phải SPS). Tiêu chuẩn Codex không phải là tiêu chuẩn “mẫu số chung thấp nhất”. Chúng dựa trên đóng góp của các nhà khoa học hàng đầu trong lĩnh vực và các chuyên gia quốc gia về an toàn thực phẩm. Đây cũng là các chuyên gia của quốc gia có trách nhiệm đối với việc xây dựng tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm của quốc gia đó. Ví dụ các khuyến nghị về dư lượng thuốc trừ sâu và các chất phụ gia được Codex xây dựng bởi nhóm các nhà khoa học những người sử dụng các giả thiết bảo thủ, chỉ hướng vào vấn đề an toàn và không chịu ảnh hưởng của các cấp chính trị.

codex alimentarius commission



FOOD AND AGRICULTURE
ORGANIZATION
OF THE UNITED NATIONS

WORLD
HEALTH
ORGANIZATION



JOINT OFFICE: Viale delle Terme di Caracalla 00153 ROME Tel: 39 06 57051 www.codexalimentarius.net Email: codex@fao.org Facsimile: 39 06 5705 4593

Hình 26: Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm CODEX

Trong nhiều trường hợp, các tiêu chuẩn do Codex xây dựng cao hơn so với các tiêu chuẩn của các nước, bao gồm cả các nước phát triển. Tuy nhiên, chính phủ dù sao có thể lựa chọn sử dụng tiêu chuẩn cao hơn so với tiêu chuẩn quốc tế nếu tiêu chuẩn quốc tế không đáp ứng sự nhu cầu bảo vệ sức khỏe của họ.

Câu hỏi 8. Liệu các yêu cầu về an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật thể được đặt ra bởi cơ quan quản lý địa phương hoặc khu vực? Liệu có thể có sự khác biệt về yêu cầu trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia không?

Trả lời: Hiệp định SPS chấp nhận các quy định về an toàn thực phẩm và sức khỏe động vật và thực vật không nhất thiết phải do các cơ quan cao nhất của Chính phủ xây dựng. Sự khác biệt tiêu chuẩn giữa một quốc gia là được phép. Tuy nhiên, nếu những khác biệt đó tác động đến thương mại quốc tế, chúng cũng phải đáp ứng các yêu cầu tương tự như chúng được đặt ra bởi chính quyền trung ương. Chính quyền trung ương có trách nhiệm trong thực thi Hiệp định SPS và cần đảm bảo rằng các chính quyền địa phương hoặc tỉnh nhận thức điều này và cũng không nhất thiết phải giống nhau trong cả nước. Các quốc gia nên sử dụng dịch vụ của các cơ quan phi Chính phủ nếu chúng tuân thủ Hiệp định SPS.

Câu hỏi 9. Hiệp định SPS có yêu cầu các nước ưu tiên đối với thương mại hơn là an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe động và thực vật không?

Trả lời: Không, Hiệp định SPS cho phép các nước thành viên ưu tiên quy định an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe động thực vật hơn là quy định về thương mại, chừng nào họ có thể chứng minh rằng các yêu cầu an toàn thực phẩm và sức khỏe dựa trên các bằng chứng khoa học. Mỗi một quốc gia có quyền đánh giá cá nguy cơ và xác định mức độ mà quốc gia đó xem là phù hợp đối với an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật.

Quyền bảo vệ sức khỏe con người, động vật và thực vật của mỗi quốc gia thành viên



Tránh tạo ra các rào cản không cần thiết Trong thương mại giữa các quốc gia thành viên

Hình 27 : Mục tiêu cân bằng của Hiệp định SPS

Khi mà một quốc gia đã xác định mức độ nguy cơ có thể chấp nhận được sẽ có một số các biện pháp để lựa chọn mà có thể được sử dụng để đạt được mức độ bảo vệ đó (ví dụ như xử lý, cách ly kiểm dịch, tăng thanh kiểm tra). Hiệp định SPS quy định rằng khi một quốc gia lựa chọn trong số các biện pháp đó, quốc gia này phải sử dụng các biện pháp mà không hạn chế thương mại hơn sự cần thiết đạt được mục tiêu bảo vệ sức khỏe, giả định rằng các biện pháp là khả thi về kỹ thuật và kinh tế. Ví dụ, nếu một quốc gia phải đối mặt với một nguy cơ bởi một dịch hại ngoại lai xâm nhập cùng với hàng nhập khẩu, quốc gia đó có thể cấm nhập khẩu hoặc yêu cầu nhà xuất khẩu phải khử trùng lô hàng. Một trong hai biện pháp có thể làm giảm nhẹ nguy cơ ở mức mà quốc gia đó xem là chấp nhận được, nhưng việc khử trùng ít hạn chế thương mại hơn là cấm ngay lập tức.

Câu hỏi 10. Liệu một quy định quốc gia về an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe động thực vật của một nước có thể bị các nước khác phản đối hay không? Các doanh nghiệp tư nhân có thể đưa các tranh chấp thương mại ra WTO hay không? Làm thế nào các tranh chấp được giải quyết tại WTO?

Trả lời: Kể từ khi có hiệu lực năm 1948, Hiệp định Chung về Thuế

quan và Mậu dịch (GATT) đã giúp cho các nước có thể kiện các nước khác đối với các quy định về an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật khi chúng tạo một rào cản thương mại trá hình. Năm 1979, Hiệp định TBT cũng đã các thủ tục về kiện thành viên tham gia ký kết về các quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm cả các yêu cầu về an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật. Hiệp định SPS làm rõ hơn không chỉ cơ sở cho các quy định về an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật có ảnh hưởng đến thương mại, mà đồng thời còn làm cơ sở cho việc kiện phản đối các quy định này.

Trong khi khả năng của mỗi nước trong việc xây dựng các quy định pháp luật không bị hạn chế, một biện pháp cụ thể về an toàn thực phẩm hoặc sức khỏe động thực vật có thể bị phản đối bởi các nước khác dựa trên cơ sở không có đủ bằng chứng khoa học để minh chứng sự cần thiết cho việc cản trở thương mại. Hiệp định SPS quy định chắc chắn hơn đối với cơ quan quản lý cũng như các nhà thương mại, cho phép họ tránh khỏi các xung đột tiềm ẩn.



Hình 28 : Tổ chức WTO

Bởi vì WTO là một tổ chức liên chính phủ, chỉ có chính phủ các nước, không phải là doanh nghiệp tư nhân hoặc các tổ chức phi chính phủ, được phép nộp đơn về tranh chấp thương mại theo các thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại của WTO. Các tổ chức phi

chính phủ tất nhiên có thể nêu vấn đề vướng mắc thương mại tới chính phủ của họ và khuyến khích chính phủ theo đuổi kiện tụng, nếu phù hợp, thông qua WTO.

Với việc chấp thuận Hiệp định WTO, các quốc gia đã đồng ý chịu sự điều chỉnh bởi các quy định trong tất cả các hiệp định thương mại đa biên kèm theo nó, bao gồm cả Hiệp định SPS. Trong trường hợp có tranh chấp thương mại, quy trình giải quyết tranh chấp của WTO khuyến khích các quốc gia liên quan “giải quyết ngoài tòa” thông qua các cuộc tham vấn. Nếu các nước không thể giải quyết những tranh chấp, họ có thể lựa chọn theo đuổi bất kỳ một phương thức nào trong một số cách thức giải quyết tranh chấp, bao gồm “giảng hòa”, hòa giải, trung gian và trọng tài. Một cách khác, quốc gia có thể chính thức yêu cầu một bồi thẩm đoàn khách quan giải quyết tranh chấp bao gồm các chuyên gia để xét xử tất cả các mặt của tranh chấp và đưa ra khuyến nghị.

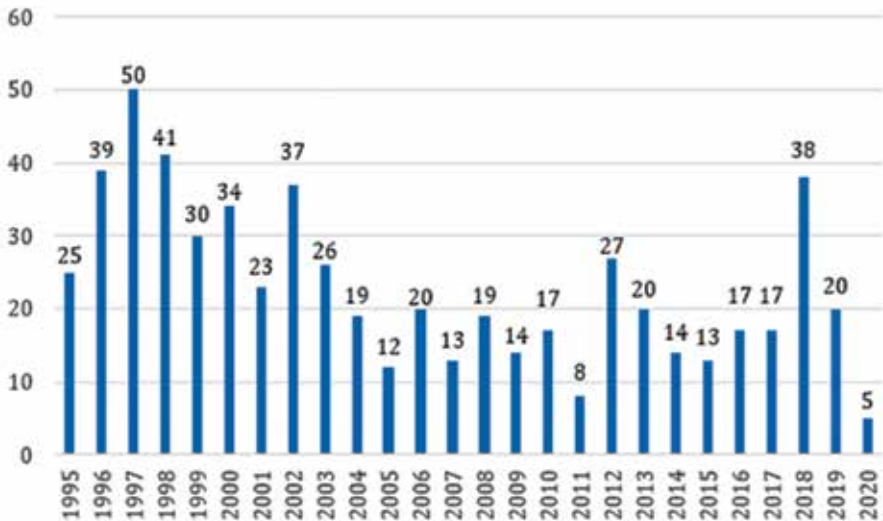
Trong một tranh chấp về các biện pháp SPS, bồi thẩm đoàn có thể tìm kiếm lời khuyên mang tính khoa học, và thậm chí lập lên một nhóm các chuyên gia kỹ thuật. Nếu bồi thẩm đoàn kết luận rằng một quốc gia đang vi phạm các nghĩa vụ tại bất cứ hiệp định nào của WTO, thông thường họ sẽ khuyến cáo rằng quốc gia đó đưa biện pháp vi phạm tương thích lại với nghĩa vụ của quốc gia đó. Ví dụ, việc chuyển lại có thể bao gồm các thay đổi về thủ tục trong cách thực hiện một biện pháp, sửa đổi hoặc xóa bỏ biện pháp đó cùng một lúc, hoặc đơn giản xóa bỏ các thành tố phân biệt đối xử.

Bồi thẩm đoàn nộp các khuyến nghị lên cho Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO (DSB), bao gồm đại diện các nước thành viên, xem xét. Các quốc gia trong một vụ tranh chấp có thể khiếu nại các phát hiện của bồi thẩm đoàn. Phán quyết cuối cùng sẽ được DSB thông qua, ngoại trừ DSB quyết định bằng đồng thuận không chấp nhận các phát hiện. Nếu biện pháp đó được xác định là sai, quốc gia

bị kiện phải thực thi các khuyến nghị của bồi thẩm đoàn và báo cáo lại về cách thức quốc gia này đã tuân thủ.

Câu hỏi 11. Đã có bất kỳ một tranh chấp chính thức liên quan đến Hiệp định SPS chưa? Đó là về các vấn đề gì?

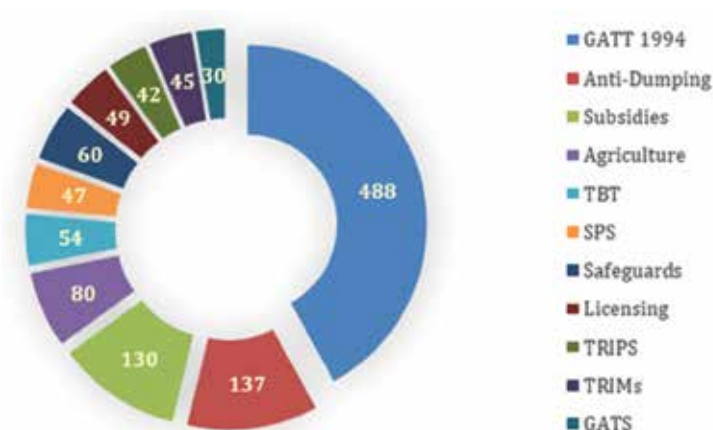
Trả lời: Mặc dù chỉ có một bồi thẩm đoàn được yêu cầu để xem xét tranh chấp thương mại về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật trong suốt nhiều năm quy định về thủ tục giải quyết tranh chấp của GATT cũ, trong vòng 15 năm đầu kể từ khi thành lập lên WTO, khoảng 47 vụ việc khiếu nại đã được ghi nhận có tham chiếu tới Hiệp định SPS.



Hình 29: Tổng hợp yêu cầu tham vấn WTO trong các năm

Điều này không phải là ngạc nhiên khi mà hiệp định này đã làm rõ cơ sở cho việc khởi kiện các biện pháp SPS làm hạn chế thương mại mà không có cơ sở khoa học. Phạm vi của các vấn đề bao gồm các

thủ tục thanh tra và kiểm dịch, các bệnh động vật, dịch hại thực vật, việc sử dụng thuốc thú y trên động vật, và biến đổi gen. Các bồi thẩm đoàn giải quyết tranh chấp đã được yêu cầu xử lý 14 khiếu nại; các tranh chấp khác đã được hoặc dường như được giải quyết thông qua việc tham vấn.



Hình 30: Tổng hợp các tranh chấp từ SPS 1995-2000 của WTO

Thông tin thêm về tất cả các tranh chấp liên quan đến SPS có sẵn tại cổng thông tin điện tử giải quyết tranh chấp của WTO (www.wto.org/disputes).

Câu hỏi 12. Ai đã chịu trách nhiệm xây dựng Hiệp định SPS? Các nước đang phát triển có tham gia trong đàm phán Hiệp định SPS hay không?

Trả lời: Quyết định về việc đàm phán một Hiệp định SPS đã được đưa ra năm 1985 khi Vòng đàm phán Uruguay được khởi động. Các cuộc đàm phán về SPS đã được mở cho tất cả 124 nước tham gia. Rất nhiều quốc gia được đại diện bởi các cán bộ trong lĩnh vực an

toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật của mình. Các nhà đàm phán này cũng là chuyên gia của các tổ chức tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế như FAO, Codex, OIE.



Hình 31: Hình ảnh Việt Nam và các tổ chức

Các nước đang phát triển đã tham gia tất cả các lĩnh vực của Vòng đàm phán Uruguay ở một mức độ chưa có trong tiền lệ, bao gồm cả về các biện pháp SPS. Cả hai giai đoạn trước khi và trong lúc đàm phán Vòng Uruguay, Ban thư ký GATT đã hỗ trợ các nước đang phát triển trong việc hình thành các quan điểm đàm phán hiệu quả.

Câu hỏi 13. Công chúng có được tham gia vào các hoạt động SPS của WTO hoặc đàm phán Hiệp định SPS hay không? Liệu những mối quan tâm của khối tư nhân và người tiêu dùng bị loại trừ ra ngoài?

Trả lời: WTO là tổ chức liên chính phủ. Các doanh nghiệp tư nhân và tổ chức phi chính phủ không trực tiếp tham gia các hoạt động của

tổ chức này, nhưng có thể tác động thông qua việc liên lạc với chính phủ của mình. Hơn nữa, Ban thư ký WTO duy trì việc liên lạc thường xuyên với rất nhiều tổ chức phi chính phủ.



Hình 32: Hình ảnh tương đồng của GATT và WTO

GATT cũng giống WTO trước đây là một tổ chức liên chính phủ. Do vậy, chỉ có chính phủ được tham gia trong các phiên thảo luận của GATT tại Vòng Uruguay mà dẫn tới kết quả là Hiệp định SPS. Tuy nhiên, các cuộc tranh luận công khai đã không có tiền lệ, khi mà rất nhiều quốc gia tham vấn với công chúng và các ngành kinh tế tư nhân của mình và với các tổ chức phi chính phủ về hàng loạt các lĩnh vực của đàm phán bao gồm cả Hiệp định SPS. Một số quốc gia thiết lập nên một kênh chính thức cho việc tham vấn và tranh luận công khai, trong khi các quốc gia khác thì tiến hành một cách ít chính thức hơn. Ban thư ký GATT cũng đã cân nhắc liên hệ với các tổ chức phi chính phủ quốc tế cũng như với công chúng và các doanh nghiệp thuộc khối tư nhân của rất nhiều nước liên quan đến đàm phán. Các kết quả cuối cùng của Vòng Uruguay là đối tượng của việc phê chuẩn và quá trình thực tại quốc gia của hầu hết các nước thành viên GATT.

Câu hỏi 14. Ủy ban SPS là gì và những ai được tham gia họp?

Trả lời: Hiệp định SPS thành lập ra một Ủy ban về Các biện pháp An toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (Ủy ban SPS) tạo ra một diễn đàn cho các nước thảo luận về các biện pháp SPS có tác động đến thương mại, và nhằm đảm bảo việc thực thi Hiệp định SPS. Ủy ban SPS, giống như các ủy ban khác của WTO, mở cho tất cả các quốc gia thành viên tham dự. Các nước quan sát viên tại cơ quan cấp cao hơn của WTO (ví dụ như Hội đồng hàng hóa) cũng đủ tư cách là quan sát viên tại Ủy ban SPS. Đại diện của một số tổ chức quốc tế cũng là quan sát viên, gồm Codex, OIE, IPPC, WHO, Hội nghị của Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) và Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế (ISO). Một số tổ chức chính phủ của khu vực hoạt động trong lĩnh vực SPS cũng là quan sát viên. Các nước thành viên có thể cử bất cứ đại biểu đại diện nào quốc gia đó tin là phù hợp để tham dự các cuộc họp của Ủy ban SPS, và rất nhiều nước cử cán bộ từ các cơ quan an toàn thực phẩm hoặc thú y hoặc kiểm dịch thực vật tham dự.



Hình 33: Hình ảnh phiên họp Đại hội đồng WTO

Ủy ban SPS thường tổ chức 3 cuộc họp thường xuyên mỗi năm. Ủy ban cũng thường tổ chức các phiên họp không chính thức, và các phiên họp đặc biệt hoặc hội thảo để giải quyết các vấn đề cụ thể.

Câu hỏi 15. Ủy ban SPS làm những công việc gì? Các vấn đề mà Ủy ban này xem xét là gì?

Trả lời: Quốc gia thành viên cung cấp thông tin cho các nước khác về các biện pháp SPS thông thường và khẩn cấp thông qua Ban Thư ký. Các nước sử dụng các trình tự và biểu mẫu tiêu chuẩn đã được rà soát thay đổi định kỳ (Tài liệu G/SPS/7/Rev.3). Một số lượng lớn các thông báo, được chuyển qua đường điện tử của tất cả các thành viên WTO, tạo ra một cơ hội cho các đối tác thương mại được có ý kiến về các dự thảo quy định trước khi chúng được chính thức thông qua, và cho các nhà sản xuất điều chỉnh theo các yêu cầu mới.

Ủy ban cũng xem xét các thông tin được cung cấp bởi các chính phủ thành viên liên quan đến các thủ tục bắt buộc, cách thức họ tiến hành đánh giá nguy cơ trong quá trình xây dựng các biện pháp SPS và tình trạng bệnh dịch tại lãnh thổ của các quốc gia này. Ví dụ, rất nhiều quốc gia đã cung cấp thông tin liên quan đến bệnh viêm não thể xốp ở bò (BSE hay bệnh “bò điên”), cúm gia cầm, bệnh lở mồm long móng và ruồi đục quả và những gì đã được thực hiện để kiểm soát các bệnh dịch và dịch hại đó.

Các thành viên WTO cũng nêu các quan ngại thương mại cụ thể về các biện pháp SPS được áp dụng bởi các nước thành viên khác tại Ủy ban SPS. Gần 300 quan ngại thương mại cụ thể, gồm toàn bộ các khía cạnh của vấn đề SPS, đã được đưa ra tại các kỳ họp trong 15 năm đầu tiên. Đây là một cơ hội cho các nước chất vấn các đối tác thương mại giải thích hoặc đưa ra lý do đối với các yêu cầu là khó cho việc xuất khẩu. Các quan ngại thương mại cụ thể được nêu tại Ủy ban SPS



Hình 34: Hình ảnh Phiên họp Ủy ban SPS/WTO

có thể tham khảo thông qua Hệ thống quản lý thông tin SPS (<http://spsims.wto.org>).

Ủy ban SPS giám sát việc sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế của các quốc gia theo một quy trình tạm thời được quy định bởi Điều 3.5 và 12.4 của Hiệp định SPS (G/SPS/11/Rev.1). Ủy ban cũng đồng ý về hướng dẫn nhằm đảm bảo tính đồng nhất trong các quyết định quản lý nguy cơ, nhằm giảm sự tùy tiện có thể có trong hành động của chính phủ. (Điều 5.5, tài liệu G/SS/15). Thêm vào đó, ủy ban đã xây dựng một số hướng dẫn nhằm hỗ trợ chính phủ trong việc thực thi Điều 4 về “công nhân tương đương” (G/SPS/19/Rev.2), Điều 6 về công nhận khu vực phi dịch bệnh và dịch hại (G/SPS/48).

Năm 1998, 2005, và 2010, 2015, 2021 Ủy ban đã rà soát lại việc “vận hành” của Hiệp định SPS (xem tài liệu G/SPS/12, G/SPS/36, G/SPS/53). Đây là một công việc thực hiện theo chu kỳ 4 năm một lần.

Ủy ban có thể xem xét bất cứ một vấn đề nào được thành viên

nêu ra. Một trong các vấn đề được thảo luận rất nhiều đó là tiêu chuẩn tư nhân tự nguyện. Đây là các yêu cầu liên quan đến SPS được thiết lập nên bởi các hiệp hội tư nhân hoặc các công ty riêng lẻ. Năm 2005, St. Vincent và Grenadines nêu quan ngại liên quan đến tiêu chuẩn tư nhân tự nguyện (GLOBAL GAP) đối với chuỗi được bán tại châu Âu. Một số các quốc gia đang phát triển khác tiếp tục nêu các quan ngại về tiêu chuẩn tư nhân tự nguyện của các nhà bán lẻ hoặc hiệp hội tư nhân tạo ra các yêu cầu an toàn thực phẩm cho sản phẩm, đặc biệt là tại thị trường các nước phát triển. Mặc dù không có một sự thống nhất giữa các nước thành viên về phạm vi tới đâu các tiêu chuẩn tư nhân tự nguyện này là đối tượng điều chỉnh của các quy định trong WTO, Ủy ban đang cố gắng xác định các hành động thực tiễn có thể được thực hiện nhằm giảm bớt bất cứ một tác động tiêu cực nào mà các yêu cầu tư nhân tự nguyện này có thể có đối với thương mại của các nước đang phát triển.

Câu hỏi 16. Chúng tôi xuất khẩu máy móc, không phải là hàng nông sản. Tại sao chúng tôi cần phải biết về Hiệp định SPS và các biện pháp SPS?

Trả lời: Mặc dù bản thân mặt hàng xuất khẩu đó có thể không hiện diện các rủi ro, nhưng chúng có thể bị lây nhiễm với đất hay tồn dư thực vật, hoặc trong khi vận chuyển sử dụng các vật liệu bao bì bằng gỗ ván hoặc rơm rạ. Các biện pháp SPS với lý do đó có liên quan tới cả nước xuất khẩu lẫn nước nhập khẩu.

Câu hỏi 17. Việc thực thi Hiệp định SPS tại đất nước chúng tôi sẽ rất tốn kém trong khi các nguồn kinh phí lại rất hạn hẹp. Liệu có mang lại hiệu quả kinh tế?

Trả lời: Một khảo sát của Ngân hàng Thế giới cho thấy các phí tổn để tuân thủ các tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế có thể ít hơn dự đoán, và các lợi ích có thể chưa được đánh giá đúng mức vì khó có một mô hình đánh giá nào khác ngoài việc so sánh các phí tổn phải bỏ ra. Bản báo cáo cũng lưu ý các quốc gia đang phát triển nếu áp dụng những tiêu chuẩn quốc tế vẫn có thể duy trì và cải thiện được mục tiêu tiếp cận thị trường các mặt hàng nông sản. Mặt khác, việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế tại các nước đang phát triển cũng phần nào làm tăng áp lực đổi mới của việc sản xuất trong nước, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật của người tiêu dùng và đem lại lợi ích chung cho xã hội.

Câu hỏi 18. Ai có lợi từ Hiệp định SPS? Hiệp định có tạo ra lợi ích cho các quốc gia đang phát triển hay không?

Trả lời: Như đã nêu trên, người tiêu dùng ở tất cả các quốc gia đều có lợi ích. Hiệp định SPS giúp đảm bảo an toàn cho thực phẩm, và trong rất nhiều trường hợp tăng cường được vấn đề này. Việc này được thực hiện thông qua khuyến khích sử dụng hệ thống các thông tin khoa học, do đó giảm phạm vi của các quyết định tùy tiện và vô căn cứ. Người tiêu dùng được tiếp cận với nhiều thông tin hơn khi mà có sự minh bạch cao trong các quy trình của chính phủ và về các lý do đằng sau các biện pháp an toàn thực phẩm, sức khỏe động vật và thực vật. Việc loại bỏ các rào cản không cần thiết đối với thương mại cho phép người tiêu dùng hưởng lợi từ việc có thêm nhiều lựa chọn đối với thực phẩm an toàn từ việc cạnh tranh lành mạnh trên trường quốc tế của các nhà sản xuất.



Hình 35: Hình ảnh nông sản được bán trên kệ hàng ở trung tâm thương mại

Các nước đang phát triển hưởng lợi từ Hiệp định SPS bởi thỏa thuận này quy định một khung làm việc quốc tế cho các thỏa thuận SPS giữa các quốc gia, không cần tính đến sức mạnh chính trị và kinh tế hay năng lực công nghệ. Nếu không có hiệp định này, các quốc gia đang phát triển có thể ở vị thế bất lợi khi kiện hoặc phản đối một hạn chế thương mại vô căn cứ. Hơn nữa, theo hiệp định, các chính phủ phải chấp nhận các sản phẩm nhập khẩu mà đáp ứng được yêu cầu an toàn của mình, bất kể là các sản phẩm đó là thành quả của một phương pháp đơn giản hơn, ít phức tạp hơn hay là công nghệ hiện đại nhất. Hỗ trợ kỹ thuật được tăng cường nhằm giúp các nước đang phát triển trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và sức khỏe động và thực vật, dù qua kênh song phương hay qua các tổ chức quốc tế cũng là một phần của hiệp định.

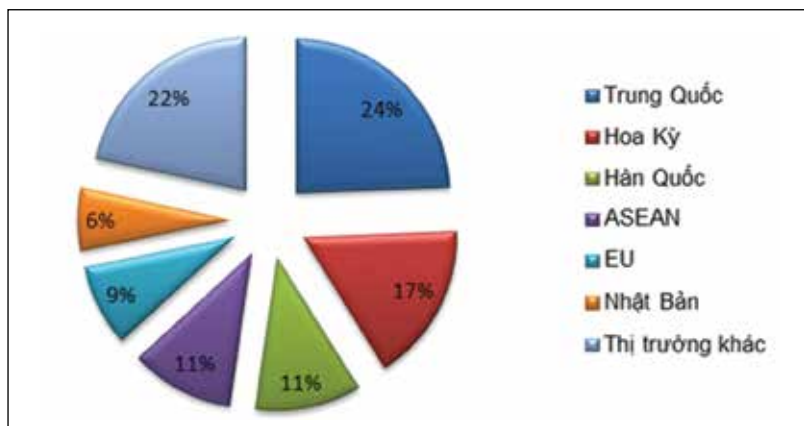
Các nhà xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp tại tất cả các nước cũng hưởng lợi từ việc xóa bỏ các rào cản vô căn cứ đối với sản phẩm của họ. Hiệp định cũng làm giảm những yếu tố không lường trước khi bán hàng vào một thị trường cụ thể. Các nỗ lực sản xuất ra thực phẩm an toàn cho một thị trường xuất khẩu sẽ không bị cản trở bởi các quy định áp đặt vì mục đích bảo hộ ẩn mình dưới dạng các biện pháp bảo vệ sức khỏe. Thêm vào đó, các bộ trưởng của các nước thành viên đã quyết định rằng một khoảng thời gian chuyển đổi giữa ngày công bố một biện pháp SPS mới và ngày mà quy định đó có hiệu lực. Khuyến nghị thời gian chuyển đổi này không ít hơn 6 tháng ngoại trừ trường hợp khẩn cấp để các nhà xuất khẩu có đủ thời gian phù hợp để tuân thủ với các yêu cầu SPS mới của thị trường nhập khẩu (WTO/MIN(01)/17).

Các nhà nhập khẩu thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp khác cũng được hưởng lợi từ việc các quy định rõ ràng hơn ở đường biên. Hiệp định làm rõ các cơ sở để hạn chế thương mại thông qua các biện pháp SPS. Điều này tạo ra cơ sở rõ ràng hơn để phản đối hoặc yêu cầu dỡ bỏ các yêu cầu vô căn cứ. Hiệp định cũng tạo lợi ích cho nhiều nhà sản xuất và người dùng thương mại đối với thực phẩm nhập khẩu hoặc các sản phẩm động vật và thực vật.

Câu hỏi 19. Những khó khăn nào mà các nước đang phát triển phải đối mặt trong thực thi Hiệp định SPS? Có quy định đặc biệt nào cho các nước đang phát triển không?

Trả lời: Mặc dù một số nước đang phát triển đã có hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật rất tốt, một số nước khác thì không được như vậy. Đối với nhóm thứ hai này, các quy định của Hiệp định SPS đôi khi tạo ra một thách thức trong việc cải thiện tình trạng sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng

trong nước. Vì những khó khăn này, Hiệp định cho phép các nước đang phát triển trì hoãn việc thực thi tất cả các điều khoản của hiệp định, ngoại trừ các điều khoản minh bạch hóa (thông báo và thành lập Điểm hỏi đáp), cho tới năm 1997, và cho đến năm 2000 cho các nước chậm phát triển. Nếu quốc gia nào cần thời gian để thực thi các chương trình cụ thể, ví dụ cải thiện dịch vụ thú y của họ hoặc thực thi các nghĩa vụ cụ thể của hiệp định, có thể yêu cầu Ủy ban SPS cho phép họ có thời gian trì hoãn lâu hơn. Các nước đang phát triển cũng có thể yêu cầu đối xử đặc biệt hoặc hỗ trợ kỹ thuật để đáp ứng các yêu cầu của quốc gia nhập khẩu (G/SPS/33/Rev.1). Rất nhiều quốc gia đang phát triển đã thông qua các tiêu chuẩn quốc tế (bao gồm các tiêu chuẩn của Codex, OIE và IPPC) như là cơ sở cho các yêu cầu của bản thân họ, do đó mà tránh được việc dành nguồn lực hạn hẹp của mình để lặp lại những việc mà đã được thực hiện bởi các chuyên gia quốc tế. Hiệp định khuyến nghị họ tham gia tích cực nhất có thể vào các tổ chức này, đóng góp vào các tiêu chuẩn quốc tế mới mà có thể giải quyết nhu cầu của họ.



Hình 36: Tỷ trọng Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu một số thị trường chủ yếu 7 tháng năm 2021

Các nước đang phát triển được hưởng lợi từ khoảng thời gian 6 tháng chuyển đổi mà các thành viên WTO đã đồng ý kể từ khi quy định SPS được ban hành và tới khi có hiệu lực (nếu thỏa mãn một số điều kiện nhất định, xem thêm WT/MN(01)/17).

Câu hỏi 20. Các nước đang phát triển có thể nhận được bất cứ hỗ trợ nào trong thực hiện Hiệp định SPS không? Ai cung cấp hỗ trợ? Điều này được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Hiệp định SPS kêu gọi hỗ trợ cho các nước đang phát triển để giúp họ có khả năng tăng cường hệ thống bảo vệ an toàn thực phẩm và sức khỏe động thực vật của mình. Rất nhiều tổ chức quốc tế, bao gồm FAO, WHO, OIE và Ngân hàng Thế giới, triển khai các chương trình hỗ trợ các nước đang phát triển trong lĩnh vực này. Rất nhiều quốc gia cũng cung cấp hỗ trợ trực tiếp, ghi nhận rằng cách thức tốt nhất để đảm bảo an toàn của các sản phẩm mà họ nhập khẩu có thể được đảm bảo sản xuất một cách an toàn, thông qua các thực hành nông nghiệp và sản xuất tốt.

Ban Thư ký WTO cũng cung cấp các khóa đào tạo để đảm bảo rằng quan chức ở các nước đang phát triển hiểu một cách đầy đủ nghĩa vụ của họ theo Hiệp định này, nhưng cũng nắm được cách thức sử dụng hiệp định để tăng việc xuất khẩu của họ và cải thiện sức khỏe tại quốc gia đó. Các khóa đào tạo được cung cấp ở các cấp tại quốc gia, theo yêu cầu của chính phủ, hoặc ở cấp khu vực. Các khóa đào tạo cấp khu vực được thực hiện trong sự phối hợp với Codex, OIE và IPPC, để đảm bảo rằng quốc gia đó nhận thức đầy đủ vai trò của các tổ chức này có thể thực hiện trong việc hỗ trợ quốc gia đó đáp ứng các yêu cầu SPS và tận dụng các lợi ích của hiệp định. Ban thư ký WTO cũng cung cấp các khóa đào tạo trực tuyến (E-training) về Hiệp định SPS, và một khóa đào tạo cấp cao chuyên sâu kéo dài 3 tuần cho cán bộ của các quốc gia đang phát triển.

Một cuốn hướng dẫn theo trình tự các bước cho Cơ quan thông báo SPS và Điểm hỏi đáp quốc gia có thể truy cập tại địa chỉ: www.wto.org/sps. Thêm vào đó, một hệ thống “giám sát” hỗ trợ liên quan đến các quy định minh bạch hóa của Hiệp định SPS đã được thiết lập để hỗ trợ các quốc gia thành viên đang phát triển của WTO (G/SPS/W/217). Cuốn sách này hướng dẫn cụ thể việc vận hành Cơ quan Thông báo quốc gia và Điểm hỏi đáp quốc gia.

Câu hỏi 21. Tôi là nhà xuất khẩu nông sản. Làm thế nào để tôi có thể biết chắc rằng các biện pháp SPS mà tôi áp dụng đối với hàng hóa của mình đáp ứng được các yêu cầu của nước nhập khẩu?

Trả lời: Điều quan trọng là cần phải kiểm tra lại thông tin qua các cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu. Các cơ quan này là địa chỉ lý tưởng cung cấp các thông tin yêu cầu của họ về kiểm dịch đối với hàng nông sản nhập khẩu. Đáp ứng được các tiêu chuẩn trong từng lĩnh vực của ba tổ chức quốc tế là CODEX, IPPC và OIE sẽ là một khởi điểm tốt đẹp. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 7 và Phụ lục B của Hiệp định, mỗi một quốc gia sẽ duy trì các Điểm hỏi đáp để cung cấp thông tin theo yêu cầu về các quy định SPS của mình. Địa chỉ các Điểm hỏi đáp quốc gia có thể tham khảo tại Hệ thống quản lý thông tin SPS tại địa chỉ <http://spsims.wto.org>.



Hình 37: Hình ảnh thực thi SPS đối với hàng hóa

Câu hỏi 22: Tôi có thể tìm kiếm thông tin quy định về SPS ở đâu?

Trả lời: Thông tin về SPS cũng như các hoạt động của Văn phòng SPS Việt Nam luôn được cập nhật và đăng tải tại website: spsvietnam.gov.vn. Nếu có thắc mắc và để được giải đáp trực tiếp, quý anh/chị có thể liên lạc trực tiếp tới Văn phòng SPS theo số điện thoại 0243.734.4764, Email: spsvietnam@mard.gov.vn, hoặc địa chỉ Tòa nhà A3, Số 10 đường Nguyễn Công Hoan, Hà Nội, Việt Nam.



(Trang Web của Văn phòng SPS Việt Nam)

Câu hỏi 23: Xin cho biết mạng lưới hỗ trợ kỹ thuật SPS Việt Nam?

Trả lời: Quyết định số 04/2008/QĐ-BNN ban hành Quy chế tổ chức và phối hợp hoạt động giữa văn phòng SPS Việt Nam với mạng lưới các điểm Thông báo và hỏi đáp về SPS thuộc các Bộ, ngành như sau:

1. Văn phòng SPS Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: Tòa nhà số 3, số 10 đường Nguyễn Công Hoan, Hà Nội
Điện thoại: 84-024 37344764

Fax: 84-024 37349019
Email: spsvietnam@mard.gov.vn.

2. Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: Số 15/78 Giải phóng - Đống Đa - Hà Nội
Điện Thoại: 84-024 38696788
Fax: 84-024 38691311
Website: <http://www.cucthuy.gov.vn/>

3. Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: Số 149 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội
Điện Thoại: (84-024) 38519451
Fax: (84-024) 35330043
Website: <http://www.ppd.gov.vn/>

4. Cục Quản lý Chất lượng nông, lâm sản và thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan - Ba Đình - Hà nội
Điện Thoại: (84-024) 38310983
Fax: (84-024) 38317221
Email: nafiqad@mard.gov.vn
Website: <http://www.nafiqad.gov.vn/>

5. Tổng cục Thủy sản- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: Số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội - Nhà B1
Tel: (84-024) 3724 5370
Fax: (84-024) 3724 5120

Email: fcen@mard.gov.vn
Website: <https://tongcucthuysan.gov.vn/>

6. Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y Tế:

Địa chỉ: Số 138A - Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội
Điện Thoại: (84-024) 3846 4489
Fax: (84-024) 3846 3739
Email: vfa@vfa.gov.vn
Website: <http://www.vfa.gov.vn/>

7. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng- Bộ Khoa học và Công Nghệ:

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện Thoại: (84-024) 37562608
Fax: (84-024) 38361556
Email: tttt@tcvn.gov.vn
Website: <http://www.tcvn.gov.vn/>

8. Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương:

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện Thoại: (84-024) 22 205 439
Fax: (84-024) 22 205 525
Website: <http://www.moit.gov.vn/>

PHẦN 4:

MỘT SỐ CAM KẾT PHỔ BIẾN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT TRONG HIỆP ĐỊNH SPS CỦA WTO

4.1. CAM KẾT VỀ MINH BẠCH HOÁ

Minh bạch hóa (Transparency) các quy định, chính sách thương mại của tất cả các Thành viên WTO là điều cần thiết nhằm tăng cường các mối quan hệ thương mại cởi mở, công bằng và ổn định. Có vô số quy định và cam kết về Minh bạch hoá được áp dụng cho tất cả các Thành viên WTO và có khả năng ảnh hưởng đến thương mại quốc tế. Các Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật và hàng rào kỹ thuật trong thương mại, cụ thể là Hiệp định SPS và Hiệp định TBT cung cấp các cơ sở toàn diện để giải quyết các vấn đề phát sinh từ yêu cầu thực hiện các nghĩa vụ về tính minh bạch và hợp tác trong các Hiệp định trên.

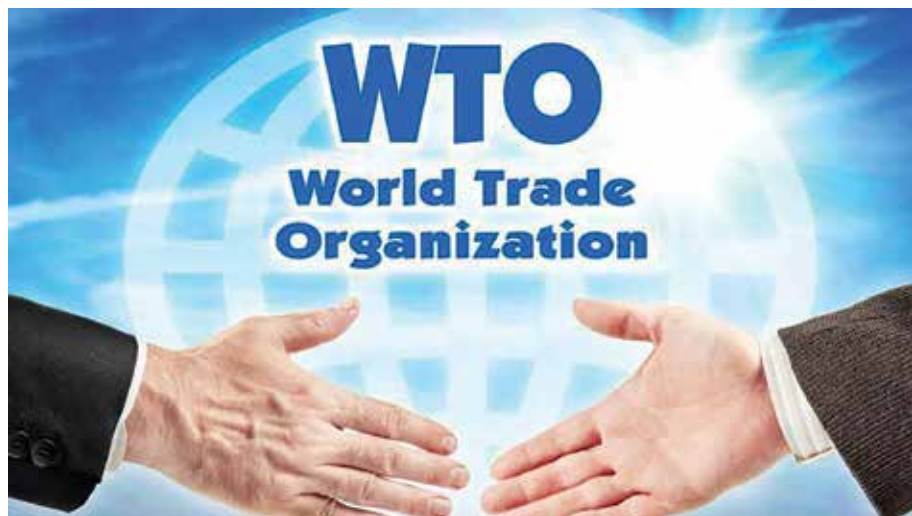


Hình 38: Thực thi minh bạch hóa của Văn phòng SPS Việt Nam

Một trong những kết quả cụ thể để thực hiện cam kết về Minh bạch hoá của Hiệp định SPS của WTO là việc mỗi quốc gia thành viên WTO phải thành lập/xây dựng/để cử một cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật các thay đổi, dự thảo quy định pháp luật của quốc gia đó. Cơ quan này sẽ là đầu mối quốc gia phụ trách cập nhật tất cả các quy định, các cam kết, biện pháp về SPS của quốc gia đó với các quốc gia thành viên WTO, cũng như thực hiện việc trả lời các câu hỏi, tiếp nhận các ý kiến đóng góp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đến từ các quốc gia thành viên WTO đó. Khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO, Chính phủ Việt Nam đã thành lập Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh dịch tễ và Kiểm dịch động thực vật (gọi tắt là Văn phòng SPS Việt Nam) nhằm đáp ứng các cam kết về SPS trên.

4.2. CAM KẾT VỀ CÔNG NHẬN TƯƠNG ĐƯƠNG

Công nhận sự tương đương có thể được chấp nhận đối với một biện pháp cụ thể hoặc các biện pháp liên quan đến một sản phẩm hoặc các danh mục sản phẩm nhất định hoặc trên cơ sở toàn hệ thống. Khi được yêu cầu, các Thành viên phải tìm cách chấp nhận sự tương đương của một biện pháp liên quan đến một sản phẩm hoặc chủng loại sản phẩm nhất định. Đánh giá cơ sở hạ tầng liên quan đến sản phẩm và các chương trình trong đó biện pháp đang được áp dụng cũng có thể cần thiết. Các thành viên có thể nghiên cứu và tìm kiếm xa hơn, nếu cần và thích hợp, tìm kiếm các thỏa thuận toàn diện và rộng rãi hơn về sự tương đương. Việc chấp nhận tính tương đương của một biện pháp liên quan đến một sản phẩm đơn lẻ có thể không yêu cầu quốc gia nhập khẩu/xuất khẩu phải phát triển một thỏa thuận tương đương trên toàn hệ thống.



Hình 39: Hình ảnh minh họa

Trong bối cảnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Điều 4, theo yêu cầu của Thành viên xuất khẩu, Thành viên nhập khẩu cần giải thích mục tiêu và cơ sở lý luận của biện pháp kiểm dịch động thực vật và xác định rõ những rủi ro mà biện pháp liên quan dự định giải quyết. Thành viên nhập khẩu phải chỉ ra mức độ bảo vệ thích hợp mà biện pháp vệ sinh động thực vật của họ được thiết kế để đạt được dựa trên tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị quốc tế có liên quan. Thành viên nhập khẩu cũng phải cung cấp bất kỳ thông tin bổ sung nào có thể hỗ trợ Thành viên xuất khẩu đưa ra minh chứng khách quan về sự tương đương của biện pháp của mình.

3. Một Thành viên nhập khẩu phải trả lời kịp thời bất kỳ yêu cầu nào từ Thành viên xuất khẩu về việc xem xét tính tương đương của các biện pháp của mình, thông thường trong khoảng thời gian sáu tháng.

PHẦN 5:

NỘI DUNG TOÀN VĂN HIỆP ĐỊNH SPS CỦA WTO VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CHÍNH THỨC CỦA WTO

HIỆP ĐỊNH VỀ VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT

Các Thành viên,

Khẳng định rằng không Thành viên nào bị ngăn cấm việc thông qua hoặc thực thi các biện pháp cần thiết để bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ của con người, động vật và thực vật, với yêu cầu là các biện pháp này không được áp dụng để tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô căn cứ giữa các Thành viên có cùng điều kiện như nhau hoặc hạn chế trá hình đối với thương mại quốc tế;

Mong muốn cải thiện sức khoẻ con người, sức khoẻ động vật và tình hình vệ sinh thực vật của tất cả các Thành viên;

Ghi nhận rằng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật thường được áp dụng trên cơ sở các hiệp định hay nghị định thư song phương;

Mong muốn lập ra một bộ quy tắc và quy ước để hướng dẫn việc xây dựng, thông qua và thi hành các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật để giảm thiểu tác động tiêu cực của chúng đối với thương mại;

Công nhận sự đóng góp quan trọng của các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế trong lĩnh vực này;

Mong muốn đẩy xa hơn việc sử dụng hài hòa hóa các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật giữa các Thành viên, trên cơ sở các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế do các

tổ chức quốc tế có liên quan xây dựng, kể cả Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế, Tổ chức Thú y thế giới và các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan hoạt động trong khuôn khổ Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế, mà không yêu cầu các Thành viên phải thay đổi mức độ bảo vệ phù hợp đời sống hay sức khỏe con người, động vật, thực vật của mình;

Công nhận rằng các Thành viên là quốc gia đang phát triển có thể gặp những khó khăn đặc biệt khi tuân thủ các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của Thành viên nhập khẩu, và do đó gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường, và cũng gặp khó khăn tương tự trong việc xây dựng và áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật tại lãnh thổ của mình, và mong muốn hỗ trợ những nỗ lực của họ trong lĩnh vực này;

Mong muốn làm rõ chi tiết các quy định đối với việc áp dụng các điều khoản của GATT 1994 liên quan đến việc sử dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, đặc biệt là các quy định của Điều XX(b)¹

Thống nhất tại đây các điều khoản sau:

Điều 1 **Các quy định chung**

1. Hiệp định này áp dụng cho tất cả các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật có thể trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đến thương mại quốc tế. Các biện pháp như vậy sẽ được xây dựng và áp dụng phù hợp với các điều khoản của Hiệp định này.

2. Với mục tiêu đó, các định nghĩa nêu trong Phụ lục A sẽ được áp dụng đối với Hiệp định này.

⁽¹⁾Trong Hiệp định này, việc tham chiếu đến Điều XX(b) bao gồm cả dẫn nhập của Điều này

3. Các phụ lục là một phần thống nhất của Hiệp định này.

4. Không có điều khoản nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến quyền của các Thành viên theo Hiệp định về Các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại liên quan đến các biện pháp không thuộc phạm vi của Hiệp định này.

Điều 2

Các quyền và nghĩa vụ cơ bản

1. Các Thành viên có quyền sử dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật cần thiết để bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ của con người, động vật và thực vật với điều kiện các biện pháp đó không trái với các điều khoản của Hiệp định này.

2. Các Thành viên phải đảm bảo rằng bất kỳ biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật nào cũng chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết để bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ của con người, động vật và thực vật và dựa trên các nguyên tắc khoa học và không được duy trì thiếu căn cứ khoa học xác đáng, trừ khi như được quy định tại Khoản 7 của Điều 5.

3. Các Thành viên phải đảm bảo rằng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của họ không phân biệt đối xử một cách tùy tiện hoặc vô căn cứ giữa các Thành viên khi có các điều kiện giống nhau hoặc tương tự nhau, kể cả các điều kiện giữa lãnh thổ của họ và lãnh thổ các Thành viên khác. Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật phải được áp dụng mà không tạo nên sự hạn chế trá hình đối với thương mại quốc tế.

4. Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật tuân thủ các điều khoản liên quan của Hiệp định này được coi là phù hợp với các nghĩa vụ của các Thành viên theo các quy định của GATT 1994 liên quan đến việc sử dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, đặc biệt là các quy định của Điều XX(b).

Điều 3 **Hài hòa hóa**

1. Để hài hòa các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật trên cơ sở chung nhất có thể được, các Thành viên sẽ lấy các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế, nếu có, làm cơ sở cho các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của mình, trừ khi được nêu khác đi trong Hiệp định này và đặc biệt là tại khoản 3.

2. Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật tuân thủ các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế sẽ được cho là cần thiết để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe con người, động vật, thực vật và được coi là phù hợp với các điều khoản liên quan của Hiệp định này và của GATT 1994.

3. Các Thành viên có thể áp dụng hay duy trì các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật cao hơn các biện pháp dựa trên các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế có liên quan, nếu có chứng minh khoa học, hoặc do mức bảo vệ động thực vật mà một Thành viên coi là phù hợp theo các quy định liên quan của các khoản từ 1 đến 8 của Điều 5². Mặc dù vậy, tất cả các biện pháp dẫn đến mức độ bảo vệ động thực vật khác với các biện pháp dựa trên các tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế đều không trái với bất kỳ điều khoản nào khác của Hiệp định này.

4. Các Thành viên sẽ tham gia đầy đủ, trong giới hạn nguồn lực của mình, vào các tổ chức quốc tế liên quan và các cơ quan phụ thuộc của các tổ chức đó, đặc biệt là Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm, Tổ chức

⁽²⁾ Đối với khoản 3 của Điều 3, sẽ là có cơ sở khoa học nếu trên cơ sở kiểm tra và thẩm định thông tin khoa học đang có theo các điều khoản liên quan của Hiệp định này, một Thành viên xác định rằng các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế liên quan không đủ để đạt được mức độ bảo vệ động thực vật phù hợp.

Thú y thể giới và các tổ chức quốc tế và khu vực hoạt động trong khuôn khổ Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế và, trong phạm vi các tổ chức này, thúc đẩy việc xây dựng và rà soát định kỳ các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị về mọi khía cạnh của các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật.

5. Ủy ban về các Biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật nêu tại các khoản từ 1 đến 4 của Điều 12 (trong Hiệp định này được gọi là “Ủy ban”) sẽ xây dựng một thủ tục để giám sát quá trình hài hoà quốc tế và điều phối các nỗ lực trong lĩnh vực này với các tổ chức quốc tế liên quan.

Điều 4

Tính tương đương

1. Các Thành viên sẽ chấp nhận các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật tương đương của các Thành viên khác, ngay cả nếu các biện pháp này khác với các biện pháp của họ hoặc các biện pháp của các Thành viên khác cùng buôn bán sản phẩm đó, nếu Thành viên xuất khẩu chứng minh được một cách khách quan cho Thành viên nhập khẩu là các biện pháp đó tương ứng với mức bảo vệ động thực vật của Thành viên nhập khẩu. Để chứng minh điều đó, nếu có yêu cầu, Thành viên nhập khẩu sẽ được tiếp cận hợp lý để thanh tra, thử nghiệm và tiến hành các thủ tục liên quan khác.

2. Các Thành viên, khi được yêu cầu, sẽ tiến hành tham vấn với mục tiêu đạt được thỏa thuận song phương và đa phương về công nhận tính tương đương của các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật.

Điều 5

Đánh giá nguy cơ và Xác định Mức độ Bảo vệ an toàn thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật phù hợp

1. Các Thành viên đảm bảo rằng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của mình dựa trên việc đánh giá, tương

ứng với thực tế, các rủi ro đối với cuộc sống hoặc sức khỏe con người, động vật, hoặc thực vật, có tính đến các kỹ thuật đánh giá rủi ro do các tổ chức quốc tế liên quan xây dựng nên.

2. Khi đánh giá rủi ro, các Thành viên sẽ tính đến chứng cứ khoa học đã có; các quá trình và phương pháp sản xuất liên quan; các phương pháp thanh tra, lấy mẫu và thử nghiệm liên quan; tính phổ biến của một số bệnh hay loài sâu nhất định; các khu vực không có sâu hoặc không có bệnh; các điều kiện sinh thái và môi trường liên quan; và kiểm dịch hoặc cách xử lý khác.

3. Khi đánh giá rủi ro đối với cuộc sống hoặc sức khỏe con người, động vật, hoặc thực vật và xác định biện pháp áp dụng để có mức bảo vệ động thực vật phù hợp khỏi rủi ro đó, các Thành viên phải tính đến các yếu tố kinh tế liên quan: khả năng thiệt hại do thua lỗ trong sản xuất hay tiêu thụ khi có sâu hoặc bệnh xâm nhập, xuất hiện hay lan truyền; chi phí của việc kiểm tra hay loại bỏ sâu bệnh trên lãnh thổ Thành viên nhập khẩu; và tính hiệu quả về chi phí của các phương cách hạn chế rủi ro.

4. Các Thành viên, khi xác định mức bảo vệ động thực vật phù hợp, sẽ tính đến mục tiêu giảm tối thiểu tác động thương mại bất lợi.

5. Với mục tiêu nhất quán trong việc áp dụng khái niệm mức bảo vệ động thực vật phù hợp chống lại các rủi ro đối với cuộc sống hoặc sức khỏe con người, động vật, hoặc thực vật, mỗi Thành viên sẽ tránh sự phân biệt tùy tiện hoặc vô căn cứ về mức bảo vệ được xem là tương ứng trong những trường hợp khác, nếu sự phân biệt đó dẫn đến phân biệt đối xử hoặc hạn chế trá hình đối với thương mại quốc tế. Các Thành viên sẽ hợp tác tại Ủy ban nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều 12 để định ra hướng dẫn giúp đưa điều khoản này vào thực tế. Trong khi định ra những hướng dẫn đó, Ủy ban sẽ xem xét mọi yếu tố liên quan, kể cả tính chất đặc biệt của các rủi ro về sức khỏe con người mà người ta có thể tự mắc vào.

6. Không phương hại đến khoản 2 của Điều 3, khi thiết lập hay duy trì các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật để có mức bảo vệ động thực vật cần thiết, các Thành viên phải đảm bảo những biện pháp đó không gây hạn chế thương mại hơn các biện pháp cần có để đạt được mức bảo vệ động thực vật cần thiết, có tính đến tính khả thi về kỹ thuật và kinh tế.

7. Trong trường hợp chứng cứ khoa học liên quan chưa đủ, một Thành viên có thể tạm thời áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật trên cơ sở thông tin chuyên môn sẵn có, kể cả thông tin từ các tổ chức quốc tế liên quan cũng như từ các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật do các Thành viên khác áp dụng. Trong trường hợp đó, các Thành viên sẽ phải thu thập thông tin bổ sung cần thiết để có sự đánh giá rủi ro khách quan hơn và rà soát các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật một cách tương ứng trong khoảng thời gian hợp lý.

8. Khi một Thành viên có lý do để tin rằng một biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật nào đó do một Thành viên khác áp dụng hay duy trì làm kìm hãm, hoặc có khả năng kìm hãm, xuất khẩu của mình và biện pháp đó không dựa trên các tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế liên quan, hoặc các tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị đó không tồn tại, Thành viên duy trì biện pháp đó có thể được yêu cầu và phải giải thích lý do của các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật đó.

Điều 6

Thích ứng với điều kiện khu vực, kể cả các khu vực phi dịch hại và dịch bệnh và khu vực có sự hiện diện thấp của dịch hại hoặc dịch bệnh

1. Các Thành viên đảm bảo rằng các biện pháp an toàn thực phẩm

và kiểm dịch động thực vật của mình thích ứng với các đặc tính về sinh động thực vật của khu vực sản xuất ra sản phẩm và khu vực sản phẩm được đưa đến, cho dù khu vực đó có thể là cả một nước, một phần của một nước hoặc các phần của nhiều nước. Khi đánh giá các đặc tính về sinh động thực vật của một khu vực, cùng với những yếu tố khác, các Thành viên phải tính đến mức độ phổ biến của các loài sâu hay bệnh đặc trưng, các chương trình diệt trừ hoặc kiểm soát sâu bệnh hiện có, các tiêu chí hoặc hướng dẫn tương ứng do các tổ chức quốc tế có thể xây dựng nên.

2. Các Thành viên công nhận các khái niệm khu vực phi dịch hại và dịch bệnh và các khu vực có sự hiện diện thấp của dịch hại và dịch bệnh. Việc xác định các khu vực đó phải dựa trên các yếu tố như địa lý, hệ sinh thái, giám sát kiểm dịch, và tính đến hiệu quả của việc kiểm tra vệ sinh động thực vật.

3. Các Thành viên xuất khẩu tuyên bố các khu vực trong lãnh thổ của mình là khu vực phi dịch hại và dịch bệnh hoặc các khu vực có sự hiện diện thấp của dịch hại và dịch bệnh cần phải cung cấp bằng chứng cần thiết để chứng minh một cách khách quan với thành viên nhập khẩu rằng các khu vực này là, hoặc sẽ duy trì, khu vực phi dịch hại và dịch bệnh và các khu vực có sự hiện diện thấp của dịch hại và dịch bệnh. Để làm việc này, khi có yêu cầu, Thành viên nhập khẩu sẽ được tiếp cận hợp lý để thanh tra, thử nghiệm và tiến hành các thủ tục liên quan khác.

Điều 7

Minh bạch chính sách

1. Các Thành viên sẽ thông báo những thay đổi trong các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật và cung cấp thông tin về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của mình theo các điều khoản của Phụ lục B.

Điều 8

Kiểm soát, thanh tra và thủ tục chấp thuận

1. Các Thành viên sẽ tuân thủ các điều khoản của Phụ lục C về hoạt động kiểm soát, thanh tra và thủ tục chấp thuận, kể cả các hệ thống quốc gia chấp thuận sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc đặt ra dung sai cho tạp chất trong thực phẩm, đồ uống và thức ăn động vật, và mặt khác đảm bảo các thủ tục của họ không trái với các điều khoản của Hiệp định này.

Điều 9

Hỗ trợ kỹ thuật

1. Các Thành viên nhất trí tạo thuận lợi cho việc dành trợ giúp kỹ thuật cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển, thông qua quan hệ song phương hoặc qua các tổ chức quốc tế thích hợp. Sự trợ giúp đó có thể trong các lĩnh vực công nghệ xử lý, nghiên cứu và cơ sở hạ tầng, kể cả việc thành lập các cơ quan quản lý quốc gia, và có thể dưới dạng tư vấn, tín dụng, quyên góp và viện trợ không hoàn lại, kể cả vì mục đích cung cấp trình độ kỹ thuật, đào tạo và thiết bị để cho phép các nước đó điều chỉnh và tuân theo các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật cần thiết để có mức bảo vệ động thực vật phù hợp tại thị trường xuất khẩu của mình.

2. Khi cần có đầu tư cơ bản để một Thành viên đang phát triển là nước xuất khẩu có thể đáp ứng các yêu cầu vệ sinh động thực vật của một Thành viên nhập khẩu, Thành viên nhập khẩu sẽ xem xét việc trợ giúp kỹ thuật như cho phép Thành viên đang phát triển duy trì và mở rộng các cơ hội xâm nhập thị trường cho sản phẩm có liên quan.

Điều 10.

Đối xử đặc biệt và khác biệt

1. Khi chuẩn bị và áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, các Thành viên sẽ tính đến các nhu cầu đặc

biệt của các Thành viên đang phát triển, và đặc biệt là các Thành viên kém phát triển.

2. Nếu mức bảo vệ động thực vật phù hợp cho phép áp dụng dần dần các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật mới, thời gian dài hơn để thích ứng sẽ được dành cho sản phẩm có nhu cầu của Thành viên đang phát triển để duy trì cơ hội xuất khẩu của họ.

3. Để đảm bảo các Thành viên đang phát triển có thể tuân thủ các điều khoản của Hiệp định này, Ủy ban được phép, khi có yêu cầu, dành cho các nước đó những ngoại lệ trong thời gian nhất định cụ thể đối với toàn bộ hay một phần nghĩa vụ theo Hiệp định này, có tính đến nhu cầu tài chính, thương mại và phát triển của các nước đó.

4. Các Thành viên sẽ khuyến khích và tạo thuận lợi cho các Thành viên đang phát triển tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế liên quan.

Điều 11.

Tham vấn và giải quyết tranh chấp

1. Các điều khoản của Điều XXII và XXIII của GATT 1994 như đã nói rõ và áp dụng tại Bản ghi nhớ Giải quyết Tranh chấp sẽ áp dụng cho tham vấn và giải quyết tranh chấp của Hiệp định này, trừ khi trong Hiệp định có quy định cụ thể khác.

2. Trong một tranh chấp theo Hiệp định này có liên quan đến các vấn đề khoa học hay kỹ thuật, ban hội thẩm sẽ xin ý kiến các chuyên gia do ban hội thẩm chọn cùng với các bên tranh chấp. Trong việc này, nếu thấy thích hợp, ban hội thẩm có thể lập một nhóm chuyên gia kỹ thuật tư vấn, hoặc tham vấn với các tổ chức quốc tế liên quan theo yêu cầu của bất kỳ bên tranh chấp nào hoặc do ban hội thẩm tự đề ra.

3. Không có điều gì trong Hiệp định này phương hại đến quyền của các Thành viên theo các hiệp định quốc tế, kể cả quyền dựa vào

hoà giải hoặc cơ cấu giải quyết tranh chấp của các tổ chức quốc tế khác hay được lập ra theo bất kỳ hiệp định quốc tế nào.

Điều 12 **Quản lý**

1. Ủy ban về Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật được thành lập để làm diễn đàn tham vấn thường xuyên. Ủy ban sẽ thực hiện các chức năng cần thiết để thực thi các điều khoản của Hiệp định này và thúc đẩy các mục đích của Hiệp định, đặc biệt là về mặt hài hoà hóa. Ủy ban ra quyết định bằng phương pháp đồng thuận.

2. Ủy ban khuyến khích và hỗ trợ việc tham vấn hoặc đàm phán đặc biệt giữa các Thành viên về những vấn đề vệ sinh động thực vật cụ thể. Ủy ban khuyến khích tất cả các Thành viên sử dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế và sẽ thực hiện tham vấn và nghiên cứu kỹ thuật với mục đích tăng sự phối hợp và thống nhất giữa các hệ thống và phương pháp quốc tế và quốc gia để chấp thuận việc sử dụng các chất phụ gia thực phẩm hoặc đặt ra dung sai tạp chất cho thực phẩm, đồ uống hay thức ăn động vật.

3. Ủy ban sẽ duy trì liên lạc chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan trong lĩnh vực bảo vệ động thực vật, đặc biệt là với Ủy ban An toàn thực phẩm, Tổ chức Thú Y thế giới và Ban Thư ký Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế, với mục đích có được sự tư vấn khoa học và kỹ thuật tốt nhất cho việc quản lý Hiệp định này và để đảm bảo tránh các nỗ lực trùng lặp không cần thiết.

4. Ủy ban sẽ xây dựng một thủ tục giám sát quá trình hài hoà quốc tế và sử dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế. Để làm việc này, Ủy ban sẽ cùng với các tổ chức quốc tế liên quan lập một danh sách các tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế liên quan đến các biện pháp an toàn thực phẩm

và kiểm dịch động thực vật mà Ủy ban cho là có tác động lớn đến thương mại. Danh sách này sẽ bao gồm các tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế mà các Thành viên áp dụng làm điều kiện cho hàng nhập khẩu hoặc trên cơ sở đó chỉ các sản phẩm nhập khẩu tuân thủ các tiêu chuẩn này mới được xâm nhập thị trường của các Thành viên. Trong trường hợp một Thành viên không áp dụng một tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế làm điều kiện cho hàng nhập khẩu, Thành viên đó phải chỉ ra nguyên nhân và đặc biệt là họ có coi tiêu chuẩn đó là chưa đủ để đạt được mức bảo vệ động thực vật phù hợp hay không. Nếu một Thành viên xem xét lại quan điểm của mình, cùng với việc chỉ ra việc áp dụng tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị quốc tế được dùng làm điều kiện cho hàng nhập khẩu, Thành viên đó phải giải thích sự thay đổi của mình và thông báo cho Ban Thư ký cũng như các tổ chức quốc tế liên quan, trừ phi việc thông báo và giải thích đó được đưa ra theo các thủ tục của Phụ lục B.

5. Để tránh trùng lặp không cần thiết, Ủy ban có thể quyết định sử dụng một cách thích hợp thông tin từ các thủ tục, đặc biệt là thủ tục thông báo, đang có hiệu lực của các tổ chức quốc tế liên quan.

6. Trên cơ sở sáng kiến của một trong các Thành viên, Ủy ban có thể thông qua các kênh thích hợp mời các tổ chức quốc tế liên quan hoặc các cơ quan phụ thuộc của các tổ chức đó khảo sát các vấn đề cụ thể về một tiêu chuẩn, hướng dẫn hay khuyến nghị, kể cả lý do giải thích việc không sử dụng như nêu tại khoản 4.

7. Ủy ban sẽ rà soát việc điều hành và việc thực hiện Hiệp định này ba năm sau ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, và sau đó nếu có nhu cầu. Nếu thích hợp, Ủy ban có thể trình lên Hội đồng Thương mại Hàng hoá đề nghị sửa đổi văn bản Hiệp định này có xét đến kinh nghiệm thu thập được từ việc thực hiện Hiệp định cùng các yếu tố khác.

Điều 13

Thực thi

1. Các Thành viên chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc tuân thủ mọi nghĩa vụ nêu trong Hiệp định này. Các Thành viên sẽ hình thành và thực hiện các biện pháp và cơ chế tích cực để hỗ trợ việc tuân thủ các điều khoản của Hiệp định này không chỉ tại các cơ quan chính phủ trung ương. Các Thành viên sẽ có các biện pháp hợp lý có thể được để các cơ quan phi chính phủ trên lãnh thổ của mình, cũng như các tổ chức khu vực mà các cơ quan liên quan trong lãnh thổ của họ là thành viên, tuân thủ các điều khoản của Hiệp định này. Ngoài ra, các Thành viên sẽ không có những biện pháp trực tiếp hay gián tiếp yêu cầu hay khuyến khích các tổ chức khu vực hoặc phi chính phủ hoặc các cơ quan chính phủ tại địa phương hành động trái với các điều khoản của Hiệp định này. Các Thành viên đảm bảo rằng họ chỉ dựa vào các tổ chức phi chính phủ trong việc thực hiện các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật nếu các tổ chức đó tuân thủ các điều khoản của Hiệp định này.

Điều 14

Điều khoản cuối cùng

1. Các Thành viên kém phát triển nhất có thể hoãn áp dụng các điều khoản của Hiệp định này trong khoảng thời gian năm năm sau ngày Hiệp định WTO có hiệu lực đối với các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của họ có ảnh hưởng đến nhập khẩu hoặc sản phẩm nhập khẩu. Các Thành viên đang phát triển khác có thể hoãn áp dụng các điều khoản của Hiệp định này, ngoài khoản 8 của Điều 5 và Điều 7, hai năm sau ngày Hiệp định WTO có hiệu lực đối với các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật hiện có của họ có ảnh hưởng đến nhập khẩu hoặc sản phẩm nhập khẩu, nếu việc áp dụng đó không thực hiện được do thiếu trình độ kỹ thuật, cơ sở hạ tầng hay nguồn lực kỹ thuật.

PHỤ LỤC A

CÁC ĐỊNH NGHĨA³

1. *Biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật* – là bất kỳ biện pháp nào áp dụng để:

(a) bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe động vật hoặc thực vật trong lãnh thổ Thành viên khỏi nguy cơ xâm nhập, xuất hiện hay lan truyền của sâu, bệnh, vật mang bệnh hay vật gây bệnh;

(b) bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe con người hoặc động vật trong lãnh thổ Thành viên khỏi nguy cơ từ các chất phụ gia thực phẩm, tạp chất, độc chất hoặc vật gây bệnh trong thực phẩm, đồ uống hoặc thức ăn gia súc;

(c) bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe con người trong lãnh thổ Thành viên khỏi nguy cơ từ các bệnh do động vật, thực vật hay sản phẩm của chúng đem lại hoặc từ việc xâm nhập, xuất hiện hay lan truyền sâu hại; hoặc

(d) ngăn chặn hay hạn chế tác hại khác trong lãnh thổ Thành viên khỏi sự xâm nhập, xuất hiện hay lan truyền của sâu hại.

Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật bao gồm tất cả các luật, nghị định, quy định, yêu cầu và thủ tục, kể cả các tiêu chí sản phẩm cuối cùng; các quá trình và phương pháp sản xuất; thử nghiệm, thanh tra, chứng nhận và thủ tục chấp thuận; xử lý kiểm dịch kể cả các yêu cầu gắn với việc vận chuyển động vật hay thực vật hay gắn với các nguyên liệu cần thiết cho sự tồn tại của chúng trong khi vận chuyển; các điều khoản về phương pháp thống kê có liên

⁽³⁾ Trong các định nghĩa này, “động vật” bao gồm cả cá và động vật hoang dã; “thực vật” bao gồm cả cây rừng và thảo mộc hoang; “sâu” bao gồm cả cỏ dại; và “tạp chất” bao gồm cả dư lượng thuốc trừ sâu và thuốc thú y và các chất ngoại lai.

quan, thủ tục lấy mẫu và phương pháp đánh giá nguy cơ, và các yêu cầu đóng gói và dán nhãn liên quan trực tiếp đến an toàn thực phẩm.

2. *Hài hoà hoá*

Việc các Thành viên khác nhau xây dựng, công nhận và áp dụng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật chung.

3. *Các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế*

(a) đối với an toàn thực phẩm, đó là các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị do Ủy ban An toàn thực phẩm quốc tế xây dựng liên quan đến các chất phụ gia thực phẩm, thuốc thú y và dư lượng thuốc trừ sâu, tạp chất, phương pháp phân tích và lấy mẫu, các mã số và hướng dẫn về thực hành vệ sinh;

(b) đối với sức khoẻ động vật, đó là các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị được xây dựng dưới sự bảo trợ của Tổ chức thú y thế giới;

(c) đối với thực vật, đó là các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế được xây dựng dưới sự bảo trợ của Ban Thư ký Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế hợp tác cùng các tổ chức khu vực hoạt động trong khuôn khổ Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế; và

(d) đối với các vấn đề không thuộc phạm vi các tổ chức nói trên, đó là các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị phù hợp được công bố bởi các tổ chức quốc tế khác có liên quan mà các Thành viên có thể gia nhập do Ủy ban xác định.

4. *Đánh giá nguy cơ* - Việc thẩm định tình trạng có thể có sự xâm nhập, xuất hiện hay lan truyền sâu hoặc bệnh trong lãnh thổ một Thành viên nhập khẩu theo các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật có thể áp dụng và các hậu quả sinh học và kinh tế có thể đi kèm; hoặc việc thẩm định khả năng tác động có hại đến sức khoẻ con người hay động vật từ sự có mặt của chất phụ gia

thực phẩm, tạp chất, độc chất hay vật gây bệnh trong thực phẩm, đồ uống hoặc thức ăn động vật.

5. Mức bảo vệ an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật phù hợp - Mức bảo vệ được Thành viên xây dựng nên các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật để bảo vệ cuộc sống hay sức khỏe con người, động vật hay thực vật trong lãnh thổ của mình coi là phù hợp.

GHI CHÚ: Nhiều Thành viên gọi khái niệm này là “mức nguy cơ chấp nhận được”.

6. Khu vực phi dịch hại hoặc dịch bệnh - Một khu vực, dù đó là lãnh thổ một quốc gia, một phần của quốc gia, tất cả hoặc từng phần của một số quốc gia, do các cơ quan có thẩm quyền xác định, trong đó không có một loài sâu hay bệnh cụ thể.

GHI CHÚ: Một khu vực phi dịch hại và dịch bệnh có thể bao bọc, bị bao bọc hoặc liền kề với một khu vực - dù là trong một phần của một nước hoặc trong một vùng địa lý bao gồm nhiều phần hay tất cả một số nước - trong đó không có một loài sâu hay bệnh cụ thể, nhưng đang có những biện pháp kiểm tra khu vực ví dụ như lập các vùng bảo vệ, giám sát và vùng đệm để hạn chế hoặc diệt trừ loài sâu hay bệnh đó.

7. Khu vực có sự hiện diện thấp của dịch hại hoặc dịch bệnh - Một khu vực, dù đó là cả lãnh thổ một quốc gia, một phần của một quốc gia, tất cả hoặc từng phần của một số quốc gia, do các cơ quan có thẩm quyền xác định, trong đó một loài sâu hay bệnh cụ thể chỉ tồn tại ở mức thấp và đang có các biện pháp giám sát, kiểm tra hoặc diệt trừ hữu hiệu.

PHỤ LỤC B

MINH BẠCH CÁC QUY ĐỊNH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT

Công bố các quy định

1. Các Thành viên đảm bảo tất cả các quy định vệ sinh động thực vật⁴ đã ban hành đều được công bố ngay sao cho các Thành viên quan tâm có thể biết về các quy định đó.

2. Trừ những trường hợp khẩn cấp, các Thành viên sẽ dành một khoảng thời gian hợp lý giữa việc công bố một quy định vệ sinh động thực vật và thời điểm quy định đó có hiệu lực để các nhà sản xuất ở các Thành viên xuất khẩu, đặc biệt là tại các Thành viên đang phát triển, điều chỉnh sản phẩm và phương pháp sản xuất của mình theo yêu cầu của Thành viên nhập khẩu.

Điểm hỏi đáp

3. Mỗi Thành viên đảm bảo có duy trì một điểm hỏi đáp chịu trách nhiệm trả lời mọi câu hỏi hợp lý từ các Thành viên có quan tâm cũng như cung cấp tài liệu liên quan đến:

(a) bất kỳ quy định vệ sinh động thực-vật nào được ban hành hoặc đề xuất trong lãnh thổ Thành viên đó;

(b) bất kỳ các thủ tục kiểm tra và thanh tra, quy trình sản xuất và kiểm dịch, thủ tục chấp thuận dung sai thuốc trừ sâu và chất phụ gia thực phẩm đang có hiệu lực trong lãnh thổ Thành viên đó;

(c) các thủ tục đánh giá rủi ro, các yếu tố cần xem xét khi đánh giá, cũng như việc xác định mức bảo vệ động thực vật phù hợp;

(d) sự gia nhập hoặc tham gia của Thành viên đó hoặc các cơ quan liên quan trong lãnh thổ Thành viên đó vào các tổ chức và hệ thống

⁽⁴⁾ Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật như luật, nghị định, thông tư đang áp dụng nói chung

vệ sinh động thực-vật quốc tế và khu vực, cũng như các hiệp định và thoả thuận song phương và đa phương trong phạm vi Hiệp định này, và văn bản của các hiệp định và thoả thuận đó.

4. Các Thành viên đảm bảo khi có yêu cầu về bản sao tài liệu của các nước Thành viên quan tâm, chúng sẽ được cung cấp với giá bằng nhau (nếu có), trừ chi phí vận chuyển, đối với cho công dân⁵ của nước Thành viên liên quan.

Thủ tục thông báo

5. Nếu không có tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế hoặc nội dung của một quy định vệ sinh động thực vật dự kiến đưa ra cơ bản không giống với nội dung của một tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế, và nếu quy định đó có thể có tác động quan trọng đến thương mại các Thành viên khác, các Thành viên sẽ:

(a) ra một thông báo ngay vào giai đoạn đầu sao cho các Thành viên có quan tâm biết được về đề xuất áp dụng một quy định nào đó;

(b) thông báo cho các Thành viên khác, thông qua Ban Thư ký, về các sản phẩm chịu tác động của quy định đó cùng với một giải trình ngắn gọn về mục đích và cơ sở của quy định. Việc thông báo đó phải tiến hành vào giai đoạn đầu, khi quy định còn có thể sửa đổi và các ý kiến nhận xét được xem xét đến;

(c) cung cấp theo yêu cầu của các Thành viên khác bản sao của quy định dự kiến đưa ra và nếu có thể, chỉ ra những chỗ nội dung khác biệt với các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế;

(d) dành thời gian hợp lý cho các Thành viên, không phân biệt đối xử giữa các Thành viên đó, để có nhận xét bằng văn bản, thảo luận các nhận xét đó khi có yêu cầu và lưu tâm đến các nhận xét cùng kết quả thảo luận đó.

6. Tuy nhiên, khi xuất hiện hay đe dọa xuất hiện những vấn đề khẩn cấp về bảo vệ sức khoẻ đối với một Thành viên, Thành viên đó

⁽⁵⁾ Khi “công dân” được nhắc đến trong Hiệp định, trong trường hợp một lãnh thổ hải quan riêng rẽ là Thành viên WTO, thuật ngữ này được hiểu là thể nhân hay pháp nhân cư trú hoặc có cơ sở công nghiệp hoặc thương mại thực tế và đang hoạt động tại lãnh thổ hải quan đó.

có thể bỏ qua các bước nêu trong khoản 5 của Phụ lục này nếu thấy cần thiết, với điều kiện Thành viên đó:

(a) lập tức thông báo cho các Thành viên khác, thông qua Ban Thư ký, về quy định và các sản phẩm chịu tác động cùng với một giải trình ngắn gọn về mục đích và cơ sở của quy định, kể cả bản chất của (các) vấn đề khẩn cấp;

(b) khi được yêu cầu, phải cung cấp bản sao quy định đó cho các Thành viên khác;

(c) cho phép các Thành viên khác nhận xét bằng văn bản, thảo luận các nhận xét đó khi có yêu cầu và lưu tâm đến các nhận xét cùng kết quả thảo luận đó.

7. Thông báo cho Ban Thư ký sẽ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha.

8. Các Thành viên phát triển, nếu các Thành viên khác yêu cầu, sẽ cung cấp bản sao các tài liệu hoặc trong trường hợp các tài liệu lớn thì cung cấp tóm tắt các tài liệu bằng một thông báo cụ thể bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha.

9. Ban Thư ký sẽ lập tức sao chuyển thông báo đó tới tất cả các Thành viên và các tổ chức quốc tế có quan tâm và lưu ý các Thành viên đang phát triển về bất kỳ thông báo nào liên quan đến sản phẩm mà họ quan tâm.

10. Các Thành viên sẽ cử một cơ quan chính phủ trung ương duy nhất chịu trách nhiệm, ở tầm quốc gia, thực hiện các điều khoản liên quan đến thủ tục thông báo theo các khoản 5, 6, 7 và 8 của Phụ lục này.

Các bảo lưu chung

11. Không có điều gì trong Hiệp định này được hiểu là yêu cầu:

(a) cung cấp các chi tiết hoặc bản sao của dự thảo hoặc công bố văn bản ngoài thứ tiếng của Thành viên trừ việc đã nêu tại khoản 8 của Phụ lục này; hoặc

(b) các Thành viên tiết lộ thông tin mật có thể ảnh hưởng đến việc thực thi luật pháp về vệ sinh động thực-vật hoặc có thể phương hại đến các quyền lợi thương mại chính đáng của các doanh nghiệp.

PHỤ LỤC C

KIỂM SOÁT, THANH TRA VÀ THỦ TỤC CHẤP THUẬN

1. Đối với bất kỳ thủ tục nào nhằm kiểm tra và đáp ứng các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, các Thành viên đảm bảo:

(a) các thủ tục đó được thực hiện và hoàn thành không gây chậm trễ quá đáng và không kém thuận lợi hơn giữa sản phẩm nhập khẩu so với sản phẩm tương tự trong nước;

(b) công bố thời gian xử lý chuẩn của mỗi thủ tục hoặc thông báo thời gian xử lý dự kiến cho người bị kiểm tra khi có yêu cầu; khi nhận được một hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải lập tức kiểm tra sự hoàn chỉnh của tài liệu và thông báo cho người bị kiểm tra một cách đầy đủ và chính xác mọi thiếu sót; cơ quan thẩm quyền phải chuyển càng sớm càng tốt kết quả của thủ tục một cách đầy đủ và chính xác tới người bị kiểm tra để có hành động sửa chữa nếu cần thiết; ngay cả khi hồ sơ có thiếu sót, cơ quan thẩm quyền cũng phải xử lý thủ tục càng hiệu quả càng tốt nếu người bị kiểm tra yêu cầu; và khi có yêu cầu, người bị kiểm tra phải được thông báo về tiến trình thủ tục và mọi sự chậm trễ cùng với lời giải thích;

(c) yêu cầu thông tin chỉ hạn chế ở mức cần thiết cho sự kiểm tra, thanh tra phù hợp và các thủ tục chấp thuận, kể cả việc chấp thuận sử dụng chất phụ gia thực phẩm hoặc định ra dung sai cho tạp chất trong thực phẩm, đồ uống hoặc thức ăn động vật;

(d) bí mật thông tin về sản phẩm nhập khẩu được cung cấp hoặc có được do việc kiểm tra, thành và chấp thuận phải được tôn trọng ở mức không kém ưu đãi hơn các sản phẩm trong nước và bảo vệ được quyền lợi thương mại chính đáng;

(e) mọi yêu cầu kiểm tra, thanh tra và chấp thuận vật mẫu của một sản phẩm chỉ hạn chế ở mức hợp lý và cần thiết;

(f) mọi khoản phí gắn với các thủ tục đối với các sản phẩm nhập khẩu đều công bằng như mọi khoản phí đánh vào các sản phẩm nội địa tương tự hoặc các sản phẩm xuất xứ từ bất kỳ Thành viên nào khác và sẽ không cao hơn chi phí thực của thủ tục đó; 7. Ngoài những công việc khác, kiểm tra, thanh tra và thủ tục chấp thuận còn bao gồm cả các thủ tục lấy mẫu, thử nghiệm và xác nhận.

(g) áp dụng cùng một tiêu chí về các phương tiện sử dụng trong các thủ tục và việc chọn mẫu sản phẩm nhập khẩu như đối với các sản phẩm nội địa nhằm giảm tối thiểu sự bất tiện cho người bị kiểm tra, người nhập khẩu, người xuất khẩu và các đại lý của họ;

(h) khi các thông số của sản phẩm thay đổi do việc kiểm tra và thanh tra theo các quy định đang áp dụng, thủ tục của sản phẩm bị thay đổi sẽ chỉ hạn chế ở những gì cần thiết để xác định xem sản phẩm đó có còn đáp ứng những quy định liên quan hay không; và

(i) có thủ tục xem xét các khiếu nại liên quan đến hoạt động của các thủ tục trên và hành động sửa chữa nếu khiếu nại có cơ sở.

Nếu một Thành viên có một hệ thống chấp thuận việc sử dụng chất phụ gia thực phẩm hoặc định ra dung sai cho tạp chất trong thực phẩm, đồ uống hoặc thức ăn động vật mà hệ thống đó cấm hoặc hạn chế xâm nhập thị trường nội địa của các sản phẩm do thiếu sự chấp thuận, Thành viên nhập khẩu sẽ xem xét việc sử dụng một tiêu chuẩn quốc tế liên quan làm cơ sở xâm nhập thị trường cho đến khi có quyết định cuối cùng.

2. Nếu một biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật đặt ra yêu cầu kiểm tra ở mức sản xuất, Thành viên có cơ sở sản xuất đặt trên lãnh thổ của mình sẽ có sự giúp đỡ cần thiết để hỗ trợ việc kiểm tra và hoạt động của các cơ quan kiểm tra.

3. Không có điều gì trong Hiệp định này ngăn cản các Thành viên thực hiện việc thanh tra hợp lý bên trong lãnh thổ của mình.

Những điều cần biết về HIỆP ĐỊNH SPS CỦA WTO

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

NGUYỄN MINH HUỆ

Biên tập: Tôn Nữ Thanh Bình

Chế bản: Ngô Xuân Nam

Trình bày bìa: Bùi Minh Phong

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934 1562 **Fax:** 024-3938 7164

Website: <http://nhaxuatbancongtuong.com.vn>

E-mail: nxbct@moit.gov.vn

In 800 cuốn, khổ 15 x 20 cm tại Công ty Cổ phần In Hà Nội
Địa chỉ: Lô 6B CN5 Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi,
huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4945-2022/CXBIPH/01-297/CT
Số Quyết định xuất bản: 573/QĐ - NXBCT ngày 30 tháng 12 năm 2022
In xong và nộp lưu chiểu: Quý I, 2023
Mã số ISBN: 978-604-362-606-3



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Toà nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

